

BAN ĐIỀU HÀNH ĐỀ ÁN 112 CỦA CHÍNH PHỦ

ĐỀ ÁN
CHUẨN HOÁ HỆ THỐNG TIN HỌC HOÁ
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC
(THUỘC PHẠM VI NHIỆM VỤ CỦA ĐỀ ÁN 112)

HÀ NỘI, 12.2003

CHƯƠNG 4. LỰA CHỌN CÁC PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN	
4.1. Những định hướng tổ chức chuẩn hoá	19
4.1.1 Định hướng chuẩn hóa kiến trúc hệ thống thông tin	19
4.1.2 Định hướng chuẩn hoá về tạo lập thông tin trên hệ thống ...	20
4.1.3 Định hướng chuẩn hoá giải pháp công nghệ đối với kết cấu hạ tầng CNTT.	20
4.1.4 Định hướng về phân cấp trách nhiệm ..	21
4.1.5 Định hướng về đào tạo, đóng góp và sử dụng hệ thống THHQLHCNN	21
4.2. Tổ chức thực hiện chuẩn hoá trách nhiệm cung cấp thông tin của các Bộ, tỉnh	21
4.3. Tổ chức thực hiện chuẩn hoá các nhiệm vụ THHQLHCNN của các Bộ, tỉnh	22
4.3.1 Nhiệm vụ tin học hoá trong các hoạt động quản lý hành chính và điều hành tác nghiệp	23
4.3.2 Nhiệm vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu.	23
4.3.3 Nhiệm vụ tin học hoá các dịch vụ hành chính công, tổ chức trang tin điện tử và sử dụng Internet	23
4.4. Tổ chức thực hiện chuẩn hoá nội dung thông tin quản lý hành chính nhà nước của Bộ, tỉnh	24
4.4.1 Chuẩn hoá và ban hành các bảng danh mục dùng chung	24
4.4.2 Chuẩn hoá hệ thống các chỉ tiêu thuộc các lĩnh vực	24
4.4.3 Các dự án chuẩn hoá	24
4.5. Tổ chức thực hiện chuẩn hoá kỹ thuật, công nghệ của hệ thống THHQLHCNN	25
4.5.1 Các mạng máy tính ..	26
4.5.2 Mạng cục bộ	26
4.5.3 Mạng diện rộng	26
4.5.4 Các hệ điều hành mạng	26
4.5.5 Quản trị hệ thống mạng	26
4.5.6 Cấp truyền và ổ cắm	27
4.5.7 Cấu trúc mạng CPnet	27
4.6. Tổ chức thực hiện chuẩn hoá các trung tâm tích hợp dữ liệu	27
4.7. Tổ chức thực hiện chuẩn hoá an toàn, bảo mật hệ thống	28
4.8. Tổ chức thực hiện chuẩn hoá đào tạo cán bộ, công chức nhà nước	29
CHƯƠNG 5. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ VỐN ĐẦU TƯ	
5.1. Đánh giá sự phức tạp và khối lượng công việc cần triển khai chuẩn hoá	30
5.1.1 Nhận xét chung	30

5.1.2 Khối lượng công việc cần triển khai chuẩn hoá □□□□...	30
5.1.3 Tính phức tạp trong triển khai chuẩn hoá □□□□□□	32
5.1.4 Các yếu tố đảm bảo để triển khai công tác chuẩn hoá □□.	34
5.2. Kế hoạch triển khai chuẩn hoá □□□□□□□□□□□□	35
5.2.1 Danh mục các nhiệm vụ chuẩn hoá thuộc Đề án 112 giai đoạn 2004- 2005 □□□□□□□□□□□□□□□□.	35
5.2.2 Việc lựa chọn thứ tự ưu tiên triển khai □□□□□□□□	38
5.3. Vốn đầu tư □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□.	38
CHƯƠNG 6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CÁC KIẾN NGHỊ	
6.1. Tổ chức thực hiện □□□□□□□□□□□□□□□□□□.	39
6.1.1 Sự phân cấp trách nhiệm □□□□□□□□□□□□□□□□.	39
6.1.2 Tổ chức thực hiện □□□□□□□□□□□□□□□□□□	41
6.1.3 Chính sách và biện pháp thực hiện □□□□□□□□□□□□.	41
6.1.4 Tiến độ thực hiện □□□□□□□□□□□□□□□□□□.	42
6.2. Các kiến nghị □□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□□	43
PHỤ LỤC 1- TẠ KHUNG TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA BỘ, TỈNH	
PHỤ LỤC 2- TẠ CHUẨN HOÁ CÁC NHIỆM VỤ THHQLHCNN CỦA CÁC BỘ, TỈNH	
PHỤ LỤC 3- TẠ CHUẨN HOÁ NỘI DUNG THÔNG TIN QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CỦA BỘ, TỈNH	
PHỤ LỤC 4- TẠ CHUẨN HOÁ KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ CỦA ĐỀ ÁN 112	
PHỤ LỤC 5- TẠ CHUẨN HOÁ TRUNG TÂM TÍCH HỢP DỮ LIỆU	
PHỤ LỤC 6- TẠ CHUẨN HOÁ AN TOÀN VÀ BẢO MẬT HỆ THỐNG	
PHỤ LỤC 7- TẠ CHUẨN HOÁ ĐÀO TẠO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NHÀ NƯỚC	
PHỤ LỤC 8- TẠ TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ CẦN TRIỂN KHAI CHUẨN HOÁ HỆ THỐNG PHỤC VỤ ĐỀ ÁN 112	

CHƯƠNG 1

NHỮNG CĂN CỨ XÁC ĐỊNH SỰ CẦN THIẾT

PHẢI TỔ CHỨC CHUẨN HOÁ HỆ THỐNG THHQLHCNN

1.1. NHỮNG CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Chỉ thị 58- CT/TW ngày 17.10.2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH.

2. Quyết định 81/2001/QĐ-TTg ngày 24.5.2001 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình hành động triển khai Chỉ thị 58 giai đoạn 2001-2005.

3. Quyết định 112/2001/QĐ-TTg ngày 25.7.2001 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án tin học hoá quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2005.

4. Quyết định 136/2001/QĐ- TTg ngày 17.9.2001 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010.

5. Quyết định số 195/2002/QĐ-TTg ngày 17.7.2002 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch Tổng thể về ứng dụng và phát triển CNTT ở Việt Nam đến năm 2005.

Liên quan trực tiếp đến công tác chuẩn hoá hệ thống là QĐ 112 và QĐ 136.

Một trong 7 chương trình hành động thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010 là chương trình hiện đại hoá nền hành chính, trong đó bao hàm: Đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính; Hiện đại hoá công sở, bảo đảm trang thiết bị và điều kiện làm việc tương đối hiện đại cho các cơ quan hành chính; ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp.

Một trong những yêu cầu về tổ chức thực hiện của QĐ 112 là “tạo nguồn thông tin và chuẩn hoá thông tin, quy định rằng: Văn phòng Chính phủ chủ trì cùng với một số bộ, ngành ban hành các quy định về chuẩn thông tin cho các hoạt động điều hành. Các bộ, ngành công bố các chuẩn thông tin chuyên ngành; có chính sách khuyến khích tạo nguồn thông tin, xây dựng các kho cơ sở dữ liệu điện tử.

Theo quy định trên của QĐ 112, căn cứ QĐ số 27/2002/QĐ-TTg ngày 5.2.2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy chế làm việc của Ban Điều hành Đề án tin học hoá quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2005 và căn cứ vào QĐ 63/2001/QĐ-VPCP ngày 23.1.2002 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ thành lập tổ chuyên môn của Ban Điều

hành Đề án THQLHCNN giai đoạn 2001-2005, ngày 11.5.2002 Trưởng Ban điều hành Đề án 112 đã ra QĐ số 114/QĐ-BĐH112 về việc thành lập Nhóm công tác xây dựng Đề án chuẩn hoá thông tin phục vụ triển khai Đề án 112. Trên tinh thần đó, ngày 15.12.2002, Hợp đồng dịch vụ kỹ thuật số 11/BĐHĐA112-HĐ về Nghiên cứu xây dựng đề án chuẩn hoá hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nhà nước đã được ký kết giữa BĐH112 và Nhóm công tác xây dựng đề án chuẩn hoá.

Như vậy, căn cứ pháp lý để xây dựng Đề án chuẩn hoá là đầy đủ. Đồng thời cũng cần nhấn mạnh rằng, trong quá trình xây dựng Đề án chuẩn hoá, cần chú ý đến bảo đảm mục tiêu quan trọng của công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước. Sự kết hợp giữa Đề án 112 và Đề án 136 đặt ra một nhiệm vụ quan trọng của Đề án Chuẩn hoá, đó là theo mục tiêu cụ thể đã quy định trong Đề án 112: “ Thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, cải cách bộ máy tổ chức và lề lối làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền của Chính phủ trên cơ sở gắn mục tiêu tin học hoá quản lý hành chính nhà nước với chương trình cải cách hành chính của Chính phủ”.

1.2. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG TIN HỌC HOÁ QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

Thực trạng hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nhà nước đã được nêu tại Đề án tin học hoá quản lý hành chính nhà nước theo QĐ112. Cụ thể hoá thực trạng này cũng đã được nêu tại 8 Tiểu Đề án kèm theo của Đề án chuẩn hoá. Dưới đây chỉ tổng hợp những thực trạng chính giúp cho việc xây dựng chương trình chuẩn hoá hệ thống.

1.2.1. Thực trạng hệ thống thông tin đang sử dụng trong bộ máy hành chính nhà nước

Nhìn chung hệ thống thông tin trong hệ thống QLHCNN của nước ta còn lạc hậu và mang nặng dấu ấn của của chế độ bao cấp, ít được nghiên cứu đổi mới. Hệ thống thông tin hiện tại, tuy tạm thời có thể đáp ứng được cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ và bộ máy ở một chừng mực nhất định, song càng ngày càng tỏ ra có nhiều khiếm khuyết và bất cập. Sự khiếm khuyết và bất cập này được thể hiện tóm tắt như sau:

1. Cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế- xã hội, yêu cầu quản lý cũng trở nên phức tạp, vì thế khối lượng thông tin cần thiết cho quản lý cũng có một khối lượng vô cùng lớn và đa dạng, phong phú hơn trước đây rất nhiều. Chính khối lượng và chủng loại thông tin này đã làm cho hệ thống thống thông tin hiện tại trở nên quá tải, bộc lộ rõ nét tình trạng thiếu hệ thống, thiếu đồng bộ, và cũng chính vì thế hiện tượng thiếu thông tin cho quản lý vẫn là hiện tượng phổ biến hiện nay trong bộ máy.

2. Chế độ báo cáo, phương tiện cơ bản để bảo đảm thông tin cho hệ thống, vẫn chưa được đổi mới. Hệ thống chế độ báo cáo cũ phù hợp với giai đoạn kế hoạch hoá tập trung tuy rất chặt chẽ nhưng đã bị xoá bỏ khá lâu, trong khi đó chưa xác lập được chế độ báo cáo mới hiệu lực, thống nhất, đồng bộ và khoa học phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

3. Với hệ thống báo cáo hiện tại, nội dung thông tin thể hiện rõ nét các khiếm khuyết sau:

- Việc thu thập thông tin từ các bộ, tỉnh chưa được thực hiện đầy đủ, đồng thời rất khó tổng hợp, gây khó khăn và tốn kém trong khâu xử lý. Điều này thể hiện sự thiếu hệ thống, thiếu đồng bộ trong tổ chức hệ thống, dẫn đến các thông tin thứ cấp khó được tổng hợp một cách khoa học, vì thế phản ánh tình hình kinh tế- xã hội và quản lý thiếu chính xác, thiếu khách quan.
- Thông tin được sử dụng hiện tại trong bộ máy thiếu độ tin cậy do các quy trình, thủ tục thu thập, phân tích và tổng hợp thông tin chưa được tổ chức thống nhất và có hệ thống ở cấp nhà nước. Chỉ mới có một số ít các bộ, ngành, tỉnh, thành phố có quy định về quy trình, thủ tục này, song nhìn chung, vẫn chưa có tính đồng bộ cho riêng cơ quan đó và chưa phù hợp với yêu cầu quản lý mới.
- Do thông tin thiếu chính xác, không đầy đủ, không đồng bộ và thiếu tính thời gian, cộng với sự thiếu tổ chức hệ thống một cách chặt chẽ, cho nên dẫn đến tình trạng làm mất mát những thông tin thứ cấp đáng ra phải có để phục vụ cho việc ra quyết định quản lý, điều hành của bộ máy và của Chính phủ.

4. Tình hình cát cứ thông tin là phổ biến, song đang có xu hướng ngày càng trầm trọng thêm, đe dọa phá vỡ hệ thống thông tin hiện tại, khi mà thông tin, dữ liệu và hệ thống mã hoá dữ liệu được các bộ, ngành, tỉnh, thành phố triển khai đồng loạt trong tình trạng thiếu quy định hệ thống, thống nhất.

5. Trách nhiệm cung cấp thông tin trong bộ máy, tuy có được quy định trong một số văn bản quy phạm pháp luật, song tỏ ra chưa đủ cụ thể và thích hợp với điều kiện quản lý mới. Chính điều này là nguyên nhân cơ bản tạo ra sự thiếu thông suốt của hệ thống thông tin hiện hành và làm trầm trọng thêm tình trạng cát cứ thông tin trong bộ máy.

6. Thông tin không được phổ biến hoặc phổ biến chậm và không công bằng dẫn tới vi phạm quy chế dân chủ và không bảo đảm cho việc thực hiện chủ trương “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

7. Hệ thống thông tin hiện tại chưa theo các tiêu chuẩn quốc tế nên khó cho việc đối chiếu, so sánh quốc tế, và vì thế khó cho việc triển khai Chính phủ điện tử và các cam kết liên quan với quốc tế.

Tình hình trên dẫn đến điều đáng lo ngại hiện nay là thiếu thông tin hoặc sử dụng thông tin thiếu tin cậy một cách phổ biến trong bộ máy nhà nước,

cần sớm được khắc phục bằng cách chuyển đổi hệ thống thông tin hiện có thông qua việc chuẩn hoá và tổ chức lại hệ thống thông tin theo hướng điện tử hoá và đưa chúng vào hoạt động thường xuyên trên hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nhà nước.

1.2.2. Thực trạng về chế độ thông tin báo cáo trong bộ máy

Chế độ thông tin báo cáo giữ vị trí trung tâm trong hệ thống thông tin của bộ máy. Nó bảo đảm cung cấp thông tin và là hệ thần kinh của hệ thống quản lý hành chính nhà nước. Vì thế, muốn nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước, thì điều kiện có tính nguyên tắc là phải tổ chức một cách hiệu quả chế độ thông tin báo cáo.

Nhận thức được tầm quan trọng này, Chính phủ đã có nhiều biện pháp củng cố công tác thông tin báo cáo giữa các cấp chính quyền ở địa phương, từng bước bảo đảm thông tin đa chiều, thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo các quy định của Chính phủ, bao hàm trong nó các báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất, báo cáo chuyên đề. Văn phòng Chính phủ và các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước đã thực hiện việc trao đổi thông tin thường xuyên cho nhau, bảo đảm thông tin kịp thời bằng nhiều hình thức và phương tiện nên đã góp phần không nhỏ vào việc chỉ đạo, điều hành của Chính phủ và của bộ máy.

Tuy nhiên, nhìn chung trong bộ máy nhà nước hiện nay, chúng ta vẫn sử dụng hệ thống thông tin cũ để xử lý nghiệp vụ, tác nghiệp hành chính và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thông tin còn có sự khiếm khuyết nghiêm trọng, cho nên *chế độ thông tin báo cáo không đáp ứng được yêu cầu triển khai Đề án 112 và bảo đảm cho việc xây dựng Chính phủ điện tử*. Điều này thể hiện rõ nét nhất trong việc chưa có quy định về trách nhiệm xây dựng và cung cấp thông tin, đồng thời thiếu quy trình điều chỉnh sự phối hợp thông tin giữa các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước. Đây chính là nguyên nhân quan trọng tạo ra tính cục bộ trong việc tổ chức và sử dụng thông tin trong bộ máy nhà nước, dẫn đến sự cát cứ thông tin, gây cản trở cho việc hiện đại hoá nền hành chính nhà nước.

Việc xây dựng chế độ báo cáo mới là hết sức cần thiết, song là một công việc lớn của quốc gia, liên quan đến nhiều mặt hoạt động của Nhà nước. Trong khuôn khổ của Đề án 112, công tác chuẩn hoá giữ vai trò điều chỉnh một bước chế độ báo cáo thông tin hiện hành bảo đảm cho việc triển khai được một số công việc của tin học hóa quản lý hành chính nhà nước.

1.2.3. Thực trạng về tổ chức hệ thống quản lý và tổ chức thực hiện đề án tin học hoá

Để thực hiện tin học hoá quản lý hành chính nhà nước thì điều kiện cần thiết tối thiểu là vấn đề quản lý hành chính nhà nước có thể tạo tiền đề cho

việc tin học hoá được hay không. Sự ăn khớp 2 mặt này của vấn đề là điều cần phải đặt ra để xem xét.

Việc ứng dụng công nghệ cao vào công tác quản lý hành chính nhà nước để tiến hành hiện đại hoá nền hành chính nhà nước đòi hỏi tổ chức bộ máy và phương thức hoạt động của bộ máy phải có nền nếp, quy củ và hiện đại, bởi vì điều kiện tiên quyết để tin học hoá chính là toàn hệ thống phải *có một ngôn ngữ chung, thống nhất*. Ngôn ngữ chung này, trước hết là tổ chức bộ máy thống nhất, có quy trình xử lý công việc thống nhất và có chế độ thông tin báo cáo thống nhất.

Những điều kiện tối thiểu đó hiện nay trong bộ máy chưa có, vì vậy trong từng bước triển khai Đề án tin học hoá quản lý nhà nước, cần phải có khâu xây dựng các ngôn ngữ chung này, và đây là một nhiệm vụ đặt ra cho công tác chuẩn hoá hệ thống.

1.2.4. Những khó khăn và yêu cầu chuyển đổi hệ thống thông tin hiện tại

Những hiện trạng nêu trên cho thấy vấn đề quan trọng nhất để triển khai Đề án 112 theo đúng các mục tiêu cụ thể đã đặt ra của nó là làm thế nào để chuyển đổi hệ thống thông tin hiện tại sang hệ thống thông tin mới để có thể thực hiện được công tác tin học hoá, hiện đại hoá nền hành chính nhà nước và thực hiện Chính phủ điện tử.

Một vấn đề lớn từ nhiều năm nay là Nhà nước đang trong quá trình chuyển đổi mạnh từ cơ chế quản lý tập trung, mệnh lệnh sang cơ chế quản lý theo nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Theo đó, Chính phủ tập trung vào nhiệm vụ điều hành vĩ mô, nhiệm vụ phát triển cân đối nền kinh tế, và giao quyền hạn cho các cấp, các ngành quản lý các mặt hoạt động cụ thể theo phân cấp. Sự chuyển đổi này đòi hỏi phải có sự thay đổi căn bản cách thức tổ chức hệ thống thông tin quản lý hành chính nhà nước và quá trình này vẫn đang còn trong giai đoạn ban đầu và đang tiếp tục có nhiều biến động mạnh. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống thông tin mới cho phù hợp với sự phát triển của nền KT-XH, của quản lý KT-XH và yêu cầu của tin học hoá sẽ gặp những khó khăn, thách thức to lớn.

Để vượt qua những khó khăn, thách thức này cần nhận thức rõ những trở ngại cụ thể và định hướng được những biện pháp, nội dung công việc cần thực hiện, trong đó nổi lên là công tác chuẩn hoá.

Xét về các thủ tục, quy trình thông tin, vấn đề văn bản hóa cùng với các thủ tục hành chính, mặc dù đã có nhiều đổi mới trên một số lĩnh vực và một số nơi trong quá trình cải cách hành chính nhà nước, nhưng vẫn còn nhiều vấn đề bất cập: Sự tùy tiện, thiếu thống nhất, mang nặng tính thủ công của hệ thống các văn bản hành chính, cũng như thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, thiếu tính tổ chức và tính hệ thống đều là những cản trở lớn đến công việc

quản lý, điều hành của Chính phủ và bộ máy nhà nước. Những cản trở này cũng làm phát sinh nhiều tiêu cực, đồng thời cản trở quá trình dân chủ hoá đời sống xã hội, và chúng trái ngược với các yêu cầu nghiêm ngặt của việc triển khai hiệu quả Đề án THHQLHCNN. Đây chính là những nguyên nhân căn bản cản trở việc điện tử hoá các quá trình thông tin hành chính trong bộ máy quản lý hành chính nhà nước.

Việc chuyển đổi một hệ thống thông tin có nhiều cản trở như vậy sang hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nhà nước hoạt động như một Chính phủ điện tử là rất khó khăn và cần phải giải quyết trước tiên những vấn đề lớn sau đây:

- Xây dựng chế độ thu thập, báo cáo thông tin thống nhất và hiệu quả;
- Làm thay đổi các tập quán và thói quen làm việc tùy tiện, thiếu kỷ cương và thiếu giám sát hành chính bằng những biện pháp đồng bộ và mạnh mẽ. Việc tổ chức thực hiện các biện pháp này một cách đồng bộ và thống nhất trên cả nước là một yêu cầu bắt buộc để có thể thực hiện tin học hóa.
- Làm cho mọi cán bộ, công chức nhà nước quen với việc xử lý công việc hàng ngày thông qua các thiết bị công nghệ thông tin và dịch vụ mạng, cũng như điện tử hoá các thông tin tác nghiệp đưa lên mạng chung.
- Tổ chức một hệ thống thông tin tác nghiệp trong hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nhà nước được chuẩn hoá thống nhất, cập nhật, đáng tin cậy để mọi người dùng chung. Trong đó, mỗi người đều có thể vừa sử dụng, vừa cung cấp thông tin theo quy định.

1.2.5. Thực trạng của môi trường thông tin đất nước

Môi trường thông tin là rất quan trọng trong việc triển khai Đề án 112. Tuy nhiên, hiện nay môi trường thông tin, đặc biệt là thông tin điện tử trong cả nước, như đã nêu ở các phần trên, là *chưa có tổ chức và vẫn còn tự phát*. Từ đó, môi trường thông tin của xã hội bị chia cắt, manh mún, biệt lập- biểu hiện của *Một môi trường thông tin thiếu cởi mở*, không phù hợp với nền kinh tế thị trường và cản trở việc triển khai Chính phủ điện tử. Điều này có nguyên nhân trực tiếp nhất là chưa có được một hệ thống các pháp quy riêng cho lĩnh vực này của Nhà nước. Nhiều nước trên thế giới, khi triển khai Chính phủ điện tử, họ đã có một môi trường thông tin cởi mở với *bộ luật thông tin*, trong đó quy định cụ thể hành lang cho người sử dụng, người cung cấp thông tin trên mạng, chế độ an toàn, bảo mật và các chế độ bảo vệ của pháp luật... Trong khi đó ở nước ta chưa có bộ luật này, mới chỉ có Luật Báo chí, song Luật đó không sử dụng được cho môi trường thông tin điện tử. Ngoài ra, Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước là văn bản luật có ảnh hưởng nhiều nhất đến môi trường thông tin điện tử hiện nay. Với các văn bản pháp

quy này, môi trường thông tin chung diễn ra 2 xu hướng trái ngược không có lợi cho việc triển khai Chính phủ điện tử: Hoặc là có nhiều thông tin muốn phục vụ chung song không dám cung cấp vì sợ vi phạm chế độ bảo mật, hoặc là lợi dụng Pháp lệnh Bảo vệ bí mật để giữ thông tin làm của riêng, lảng tránh trách nhiệm cung cấp thông tin.

1.2.6. Thực trạng hạ tầng kỹ thuật của hệ thống

Theo khảo sát sơ bộ, tại 113 bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố đã xây dựng được 1800 mạng LAN, 2000 máy chủ và khoảng 40.000 máy tính cá nhân. Nhìn chung, hạ tầng cơ sở kỹ thuật CNTT tại các cơ quan này có thể đáp ứng được cơ sở kỹ thuật ban đầu để triển khai Đề án 112.

Hầu hết các Văn phòng UBND tỉnh đều đã được kết nối diện rộng với mạng Chính phủ (CPnet) với mục đích trao đổi thông tin và khai thác công báo Chính phủ, tuy nhiên mức độ khai thác và vận hành rất khác nhau. Một số VP UBND tỉnh đã kết nối với mạng intranet (bằng modem, qua đường điện thoại) trong tỉnh với một số sở, ban, ngành, quận, huyện quan trọng để trao đổi thông tin và chia sẻ tài nguyên thông tin ở mức độ đơn giản.

Nhìn chung, trong một tỉnh, ngoài VP UBND được đầu tư tập trung và khá đầy đủ, thì ở các sở, ban, ngành và quận, huyện hiện trạng hạ tầng CNTT rất khác nhau, có nơi mới chỉ có một vài máy trạm hoạt động riêng rẽ. Còn ở các bộ, ngành trung ương, tình hình đầu tư hạ tầng CNTT cũng rất khác nhau, có nơi còn chưa có hệ thống mạng cục bộ.

Tình hình chung về kết cấu hạ tầng CNTT là, do không có định hướng công nghệ và do đầu tư tản mạn từ nhiều nguồn vốn nên thiếu thống nhất và thiếu sự tương thích giữa các thành phần theo quan điểm về một mạng diện rộng của hệ thống THHQLHCNN, đặc biệt trong việc xây dựng một môi trường phần mềm. Đây là một nội dung cần được đặc biệt quan tâm trong việc chuẩn hoá để thực hiện Đề án 112.

1.2.7. Thực trạng về trình độ sử dụng CNTT của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước

Trong nhiều năm qua, cùng với quá trình triển khai ứng dụng CNTT trong các cơ quan nhà nước, đội ngũ cán bộ, công chức đã được đào tạo và được trang bị một số kiến thức nhất định về CNTT.

Tuy nhiên thực tế cho thấy, các cán bộ, công chức còn thiếu nhiều kiến thức cần thiết cho việc triển khai các ứng dụng CNTT theo các quy định của Đề án 112 và của Đề án 136 về chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2010. Việc triển khai Đề án 112 và xa hơn là xây dựng Chính phủ điện tử, cũng như hiện đại hoá quản lý hành chính nhà nước đòi hỏi phải giải quyết một cách cơ bản hiện trạng này và vì vậy, việc chuẩn

hoá về trình độ ứng dụng CNTT và chương trình đào tạo ứng dụng CNTT là một nội dung quan trọng của công tác chuẩn hoá.

1.3. MỤC TIÊU CHUẨN HOÁ

Hiện trạng nêu trên chỉ có thể giải quyết được bằng hàng loạt các biện pháp quốc gia và cần phải có thời gian. Trong đó, định hướng về chuẩn hoá hệ thống quy định tại QĐ112 là một nội dung quan trọng và có tính chất mở đầu.

Để xây dựng Chính phủ điện tử, QĐ 112 quy định phải xây dựng một Hệ thống tin học hoá thống nhất trong bộ máy hành chính nhà nước. Hệ thống gồm các thành phần là các hệ cơ sở dữ liệu *tương đối độc lập* của các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố; tuy nhiên giữa các thành phần đó vừa có nhiều *mối liên kết ngang* với chức năng trao đổi, chia sẻ thông tin, vừa có những *mối liên kết dọc* theo cấu trúc phân cấp của hệ thống chức năng quản lý hành chính nhà nước. Vì các thành phần là tương đối độc lập cả về bản chất thông tin dữ liệu, cả về yêu cầu của nhiệm vụ quản lý mà nó cần đáp ứng, cho nên việc tin học hoá sẽ được thực hiện một cách tương đối độc lập ngay từ đầu ở các Bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, để trở thành một nguồn lực quan trọng, một tài sản quốc gia quan trọng, không những chỉ phục vụ đắc lực, trực tiếp cho công tác chỉ đạo điều hành riêng lẻ của từng Bộ, ngành, địa phương mà còn phục vụ trực tiếp cho công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ thì vấn đề quan trọng có tính quyết định là phải xây dựng Hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nhà nước bảo đảm được *các mối liên kết ngang và các mối liên kết dọc*. Từ đó, xuất hiện một đòi hỏi bức bách là phải nghiên cứu phân tích và thiết kế tổng thể toàn hệ thống để xác định rõ các yêu cầu và cách thực hiện bằng công cụ tin học các mối liên kết chung, đặc biệt là các liên kết trong quan hệ phân cấp của Hệ thống. Đòi hỏi này nghĩa là phải xây dựng cho được một ***Hệ thống thông tin tin học hoá thống nhất, có tính liên kết cao*** trong bộ máy hành chính nhà nước.

Như vậy, mục tiêu cơ bản của QĐ112 là thiết lập được một ***Hệ thống thông tin thống nhất, có tính liên kết cao và mang tính dùng chung*** trong bộ máy hành chính nhà nước thông qua phương tiện tin học hóa, nhằm phục vụ trực tiếp và hiệu quả cho Chính phủ, các cơ quan hành chính nhà nước và công chúng.

Để bảo đảm thực hiện được các mục tiêu này, công tác tổ chức thực hiện Hệ thống là có tính quyết định nhất. Trọng tâm của công tác tổ chức thực hiện Hệ thống chính là nhiệm vụ ***Chuẩn hóa thống nhất Hệ thống***.

Muốn bảo đảm tính thống nhất chung của Hệ thống, cần quy định chuẩn hoá cả hai mặt: ***Nội dung tổ chức Hệ thống và Nội dung kỹ thuật của Hệ thống***. Trong đó, chuẩn hoá các nội dung tổ chức Hệ thống là quan trọng nhất.

Trong hướng dẫn xây dựng Đề án THHQLHCNN cho các bộ và các tỉnh, BĐH112 mới chỉ nêu chuẩn hoá (chưa hoàn chỉnh) nội dung kỹ thuật mạng của Hệ thống và chưa nói về chuẩn hoá nội dung tổ chức Hệ thống. Điều này có thể gây lúng túng khi triển khai hoặc gây tâm lý ít coi trọng đến công tác tin học hoá quản lý hành chính nhà nước do chưa thấy hết trách nhiệm phải làm của mình. Từ đó, có thể dẫn đến kết quả chung là không thực hiện được các mục tiêu của Đề án 112, Chính phủ điện tử sẽ không được hình thành.

Tóm lại, để thực hiện được những điều nêu trên, chúng ta cần phải:

1- Tạo môi trường thống nhất trong thực hiện và ứng dụng THHQLHCNN của cả nước để bảo đảm xây dựng thành công Chính phủ điện tử.

2- Để thống nhất Hệ thống, trước hết cần thống nhất nhận thức và hành động trong BĐH112 và BĐH của các Bộ, ngành, tỉnh.

3- Việc chuẩn hoá được thực hiện theo hướng: Kết hợp việc thực hiện ngay một số chuẩn với việc định hướng chuẩn hoá nhằm thống nhất hành động và chỉ ra những công việc phải triển khai tiếp theo.

4- Việc chuẩn hoá được thực hiện tuân thủ nguyên tắc lấy mục tiêu xây dựng thông tin dữ liệu là chính, công cụ tin học là phương tiện để thực hiện mục tiêu.

CHƯƠNG 2

LỰA CHỌN HÌNH THỨC CHUẨN HOÁ

2.1. HÌNH THỨC CHUẨN HOÁ

Để có thể triển khai được các mục tiêu của Đề án 112 trong điều kiện thực tiễn hiện nay thì điều quan trọng nhất là phải đạt được các mục tiêu của công tác chuẩn hoá đã nêu trên. Nhằm thực hiện được các mục tiêu đó, công tác chuẩn hoá cần được thực hiện dưới các hình thức sau:

1. Chuẩn hoá về mặt trách nhiệm cung cấp thông tin và triển khai các nhiệm vụ tin học hoá quản lý hành chính nhà nước;
2. Chuẩn hoá về các nội dung thông tin phải cung cấp;
3. Chuẩn hoá các mặt kỹ thuật, công nghệ của kết cấu hạ tầng CNTT của hệ thống;
4. Chuẩn hoá về một số vấn đề cơ bản trong tổ chức hệ thống;
5. Chuẩn hoá về mặt sử dụng hệ thống, trong đó có đào tạo cán bộ, công chức.

2.2. LỰA CHỌN CÔNG SUẤT HỆ THỐNG CHUẨN HOÁ

Như đã nêu, việc chuyển đổi hệ thống thông tin đặt ra nhiệm vụ chuẩn hoá hệ thống rất lớn, ở tầm quốc gia và cần có thời gian, cho nên trong khuôn khổ thực hiện Đề án THHQLHCNN giai đoạn 2001-2005 theo QĐ 112, cần có sự lựa chọn công suất hệ thống chuẩn hoá một cách hợp lý, có thể thực hiện được, song vẫn bảo đảm tính định hướng hoàn thiện hệ thống.

Theo tinh thần đó, quan điểm giải quyết vấn đề chuẩn hoá là:

- Trên cơ sở tận dụng những thông tin đã có của Hệ thống, tổ chức chuẩn hoá lại, quy hoạch lại để bảo đảm tính phục vụ sử dụng cao của chúng. Đồng thời đề ra những quy định cần thiết để bảo đảm tính thống nhất và liên kết của Hệ thống đối với những thông tin CSDL sẽ được xây dựng.

- Phát hiện những vấn đề cần phải tổ chức chuẩn hoá để bảo đảm tính khả thi của Đề án 112. Từ đó, hoặc xây dựng nhiệm vụ chuẩn hoá (nếu xét thấy khả năng có thể thực hiện được ngay), hoặc đề xuất quy hoạch, định hướng để thống nhất nhận thức, hành động hay để kiến nghị về các giải pháp cần thực hiện (nếu xét thấy chưa đủ khả năng thực hiện được ngay).

- Chuẩn hoá là một nhiệm vụ quan trọng đã được xác định trong QĐ112, cho nên đây là một nhiệm vụ khoa học, công nghệ chứ không phải là một đề tài khoa học, công nghệ. Vì vậy, cần phải tổ chức thực hiện nhanh chóng; tuy nhiên, cần thực hiện theo hướng không câu toàn, những gì làm được thì làm ngay, còn những gì chưa thể thực hiện được thì định hướng, quy hoạch.

Nhằm giải quyết sự bất cập giữa tính định hướng và yêu cầu cụ thể cần đạt được của QĐ112, cần đồng bộ hoá các yếu tố đầu vào của Hệ thống với phương tiện thực hiện của Chính phủ điện tử. Điều này nghĩa là *thay cho việc phải cụ thể hoá các nhóm đề án mục tiêu, cần có những quy định cần thiết để nhanh chóng triển khai Đề án đúng hướng*. Hay nói cách khác, cần hoàn chỉnh *những thành tố còn thiếu của công nghệ thực hiện Chính phủ điện tử như quy trình, quy tắc, phương pháp; thông tin và quản lý* (như đã nêu ở phần thứ nhất). Vì vậy, mục tiêu chung của bản Đề án này là tạo ra một công cụ quản lý quan trọng cho BĐH112 giúp Chính phủ trong việc bảo đảm sự tham gia của tất cả các cơ quan nhà nước, giảm thiểu những bất đồng, tùy tiện và tạo cơ hội tốt cho môi trường thông tin điện tử phát triển. Đó chính là tiền đề để Chính phủ điện tử đi đến thành công. Chính do có điểm xuất phát thấp cho nên công cụ quản lý này ở bước ban đầu chỉ có thể là một *chương trình hành động của BĐH112* nhằm thống nhất Hệ thống THHQLHCNN theo hướng tạo ra được các CSDL có khả năng phục vụ tốt cho công tác quản lý và điều hành của Chính phủ và của các cơ quan hành chính. Trong đó, bao hàm các nội dung chính sau:

- Những vấn đề chuẩn hoá Hệ thống mà BĐH112 có đủ quyền hạn để thực hiện;

- Những vấn đề chuẩn hoá cần khuyến nghị các Bộ, ngành, tỉnh;

- Những vấn đề chuẩn hoá cần thiết phải kiến nghị Chính phủ để bảo đảm thực hiện được các mục tiêu nêu trong QĐ112;

- Những vấn đề chuẩn hoá cần được giải quyết tiếp để thực hiện được Chính phủ điện tử.

Khối các nội dung nêu trên của Đề án là nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa nhu cầu của công tác chuẩn hoá với việc xử lý các khó khăn trong thực hiện do sự không đồng bộ trong các điều kiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ làm phát sinh ra nhiều khó khăn như quyền hạn; mối quan hệ; sự sẵn sàng của pháp quy, của thông tin; nhân sự thực hiện; tài chính...

Do có nhiều khó khăn trong việc triển khai các mục tiêu của Đề án 112 như đã nêu ở Phần thứ nhất, cho nên công tác chuẩn hóa Hệ thống chỉ có thể được thực hiện bước đầu ở các nội dung chủ yếu nhất sau đây:

1. Chuẩn hoá khung trách nhiệm cung cấp thông tin của các Bộ, tỉnh.
2. Chuẩn hoá các nhiệm vụ thực hiện THQLHCNN của các Bộ, tỉnh.
3. Chuẩn hoá về nội dung thông tin của các Bộ, tỉnh.
4. Chuẩn hoá về mặt kỹ thuật và công nghệ của Hệ thống.
5. Chuẩn hoá về các Trung tâm tích hợp dữ liệu.
6. Chuẩn hóa về an toàn, bảo mật cho Hệ thống.
7. Chuẩn hóa về đào tạo cán bộ, công chức nhà nước.

Những nội dung chủ yếu nhất về chuẩn hoá hệ thống này được thể hiện trong các nghiên cứu cụ thể của 8 Tiểu đề án trong phần phụ lục kèm theo.

2.3. ĐỊNH HƯỚNG ĐẦU TƯ

Công tác chuẩn hoá hết sức quan trọng, do đó cần thiết phải có đầu tư. Định hướng đầu tư là: đầu tư cho các hạng mục thuộc Chương trình chuẩn hoá hệ thống và theo phương án tổ chức thực hiện nêu ở Chương 3 và Chương 4. Cần chỉ định rõ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tập trung của BĐH112 và từ ngân sách của Bộ, ngành, tỉnh, thành phố.

2.4. NỘI DUNG CẦN ĐẦU TƯ

Theo định hướng đầu tư, nội dung cần đầu tư được thể hiện cụ thể ở Chương 3, Chương 4 và Chương 5 dưới đây.

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN HOÁ HỆ THỐNG THHQLHCNN VÀ CÁC YẾU TỐ PHẢI ĐÁP ỨNG

3.1. CHƯƠNG TRÌNH CHUẨN HOÁ

Khi lựa chọn công suất hệ thống, chúng ta đã nhấn mạnh vào yếu tố thực hiện trực tiếp để triển khai QĐ112 trong giai đoạn ngắn hạn. Song chính QĐ 112 cũng chỉ mang tính chất *định hướng mục tiêu, nhiệm vụ*, mà để thực hiện chúng cần phải giải quyết một loạt các khó khăn, vướng mắc và thậm chí có cả mâu thuẫn. Để triển khai được các mục tiêu của QĐ 112, công tác chuẩn hoá phải xử lý tất cả các khó khăn, vướng mắc và mâu thuẫn này. Từ đó, chương trình chuẩn hoá được xác định như sau:

3.1.1. Chương trình xử lý sự bất cập trong các nhóm mục tiêu của ĐA112

Đề án 112 quy định mục tiêu chung là đến cuối năm 2005 đưa hệ thống thông tin điện tử của Chính phủ vào hoạt động. Tuy nhiên, mục tiêu xa hơn, như đã thể hiện ở QĐ112 là hiện đại hoá nền hành chính nhà nước (QĐ 136 cũng khẳng định điều này); xây dựng và đưa vào vận hành mạng điện tử- tin học thống nhất của Chính phủ với 2 giai đoạn 2001-2005 và 2006-2010; đồng thời bảo đảm thực hiện mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử theo cam kết trong Hiệp định khung E- ASEAN ngày 24.4.2001.

Mục tiêu sâu xa, mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của QĐ112, với việc cụ thể hoá qua *các nhóm đề án mục tiêu* (6 nhóm) là rõ ràng. Tuy nhiên, QĐ112 mới chỉ nêu ra tên gọi và định hướng chính của các nhóm mục tiêu đó, mà trên thực tế còn *chưa xây dựng được đề án về các nhóm mục tiêu này*. Trong các nhóm mục tiêu đó, dễ thấy rằng định hướng của chúng gắn chặt vào *các công việc cải cách nền hành chính nhà nước*, đặc biệt trong cải cách chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước và trong *cải cách các quy trình xử lý nghiệp vụ của bộ máy hành chính nhà nước*.

Như vậy, ngay trong bản thân của QĐ112 đã xuất hiện một mâu thuẫn cần giải quyết giữa những vấn đề có tính tổ chức bộ máy (là yếu tố đầu vào, yếu tố quy định của hệ thống THHQLHCNN) với yếu tố kỹ thuật, công nghệ thông tin (là phương tiện thực hiện) để bảo đảm định hướng Chính phủ điện tử. Mâu thuẫn này cũng được thể hiện cụ thể trong các phần khác của Đề án 112 là trong khi chưa xây dựng được các nhóm đề án mục tiêu thì đã quy định khá cụ thể về mạng tin học điện rộng của Chính phủ.

Vì vậy, để có thể thực hiện được Đề án 112, cần phải có bước cụ thể hoá hơn một bước 6 nhóm đề án mục tiêu này. Chương trình đó nhằm:

- Chuẩn hoá thông tin và quy trình quản lý, điều hành của bộ máy hành chính nhà nước;
- Chuẩn hoá các quy trình, quy tắc và phương pháp tin học hoá;
- Chuẩn hoá hạ tầng kỹ thuật CNTT, bao gồm những vấn đề về phần cứng, các loại phần mềm và các quy định về quản lý hệ thống.

3.1.2. Chương trình xây dựng hệ thống thông tin

Tuy tên gọi của Đề án 112 là tin học hoá quản lý hành chính nhà nước, song nội dung chính là tổ chức hệ thống thông tin quản lý hành chính nhà nước theo hướng hiện đại hoá quản lý hành chính nhà nước. Vì thế, nội dung tổ chức hệ thống thông tin là quan trọng nhất của Đề án 112.

Hệ thống thông tin sẽ được xây dựng bao gồm các hệ thống thông tin thành phần (tương đối độc lập) tại tất cả các bộ, ngành, các đoàn thể chính trị- xã hội và tại các tỉnh, thành phố. Các hệ thống thông tin thành phần có các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức thông tin phục vụ trực tiếp cho công tác điều hành và quản lý của đơn vị mình.
- Cung cấp thông tin cho Chính phủ, các đơn vị khác trong bộ máy, cho doanh nghiệp và công chúng.

Muốn thực hiện được các nhiệm vụ này, các hệ thống thông tin thành phần cần phải được xây dựng bảo đảm *mối liên hệ theo chiều dọc* đối với tất cả các cấp từ xã, huyện, tỉnh, lên Trung ương hoặc từ các sở, ban, ngành lên tỉnh và lên các bộ, ngành quản lý nhà nước; đồng thời bảo đảm *mối liên hệ theo chiều ngang*, giữa các sở, ban, ngành với nhau, giữa các tỉnh với nhau hoặc giữa các bộ, ngành với nhau. Tất nhiên, các mối liên hệ thông tin này cần được thực hiện qua trung tâm tích hợp dữ liệu (nêu bên dưới), song chính việc tổ chức các mối liên hệ này lại làm nảy sinh ra 3 vấn đề khác, được thể hiện trong 3 chương trình thành phần quan trọng, có tính chất quy định của hệ thống sau đây:

1. Chương trình chuẩn hoá khung trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ, tỉnh;
2. Chương trình chuẩn hoá các nhiệm vụ thực hiện THQLHCNN của các bộ, tỉnh;
3. Chương trình chuẩn hoá về nội dung thông tin của các bộ, tỉnh.

Ba chương trình này của chuẩn hoá quyết định nội dung thông tin của của hệ thống THQLHCNN, hay đúng hơn là quyết định sự thành công của Đề án THQLHCNN theo QĐ112.

3.1.3. Chương trình xử lý việc tích hợp dữ liệu

Để đạt được mục tiêu của Đề án 112, bên cạnh việc xây dựng hệ thống thông tin và các kho thông tin dữ liệu thành phần, bảo đảm cho hoạt động

chuyên môn, nghiệp vụ của từng đơn vị đầu mỗi các cấp, việc quan trọng là phải tích hợp các nguồn thông tin này thành một hệ thống thông tin thông suốt, có bộ phận chức năng chịu trách nhiệm quản lý riêng, phục vụ trực tiếp cho quản lý, điều hành của mỗi bộ, tỉnh, đồng thời đưa vào hệ thống thông tin chung của Chính phủ. Bộ phận này gọi là Trung tâm tích hợp dữ liệu. Để thực hiện được chức năng, nhiệm vụ đã được quy định, thì điều quan trọng là các trung tâm này phải được chuẩn hoá thống nhất trong cả nước, không những về mặt kỹ thuật để có thể thực hiện được tích hợp dữ liệu, mà còn phải có sự chuẩn hoá về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của chúng. Chương trình xử lý việc tích hợp dữ liệu nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đó.

3.1.4. Chương trình chuẩn hoá hạ tầng kỹ thuật hệ thống

Quá trình tin học hoá QLHCNN chỉ có thể được thực hiện trên cơ sở tổ chức hệ thống, bao hàm trong nó cả kết cấu hạ tầng CNTT và các hệ phần mềm ứng dụng. Các hệ thống này cần phải tuân theo những tiêu chuẩn cụ thể để có thể kết nối, trao đổi dữ liệu và truy xuất thông tin một cách thuận tiện, nhất quán và chính xác, giúp cho hoạt động quản lý hành chính nhà nước, vốn có tính phức tạp cao, đạt được hiệu quả lớn hơn với một chi phí hợp lý.

Chương trình chuẩn hóa hạ tầng kỹ thuật hệ thống được tổ chức nhằm xác định rõ ràng các định hướng lựa chọn công nghệ và các tiêu chuẩn kỹ thuật cho việc xây dựng những hệ thống CNTT nói trên. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, những tiến bộ mới của CNTT cũng sẽ được xem xét và bổ sung kịp thời phù hợp với hệ thống trong từng giai đoạn phát triển.

3.1.5. Chương trình chuẩn bị nguồn lực

Chương trình này nhằm bảo đảm cho đội ngũ cán bộ, công chức có đủ trình độ cần thiết thực hiện nhiệm vụ được quy định của QĐ112 trong điều hành, quản lý, tác nghiệp của mỗi đơn vị, tạo lập tin điện tử và sử dụng hệ thống mạng tin học hoá quản lý nhà nước chung của Chính phủ.

3.1.6. Chương trình an toàn, bảo mật hệ thống

Chương trình này nhằm giải quyết các nhiệm vụ và kỹ thuật để triển khai và duy trì các hệ thống thông tin điện tử hoạt động an toàn, liên tục và hiệu quả.

6 chương trình nêu trên có tính chất bắt buộc để tạo điều kiện thực hiện được các mục tiêu của QĐ112. Tuy nhiên, trong việc tổ chức thực hiện cụ thể các chương trình này, cần có những lựa chọn hợp lý, khả thi theo các định hướng về tổ chức chuẩn hoá, vì thế các phương án thực hiện cụ thể được thể hiện một cách chi tiết ở Chương 4.

3.2. CÁC YẾU TỐ PHẢI ĐÁP ỨNG

Việc thực hiện các chương trình trên đây là nhiệm vụ quan trọng của quốc gia, đòi hỏi phải có những yếu tố đáp ứng sau đây:

1. Cần có sự phối hợp đồng bộ của tất cả các ngành, các cấp trong bộ máy hành chính nhà nước;
2. Cần có sự phân công trách nhiệm rõ ràng đối với tất cả các cơ quan hành chính nhà nước, ở mọi cấp, mọi ngành;
3. Cần có những chế tài đối với trách nhiệm của tất cả các cán bộ, công chức nhà nước;
4. Cần phải có những văn bản quy phạm pháp luật cần thiết để có thể triển khai được những nhiệm vụ đã đặt ra;
5. Cần có sự kiểm tra, giám sát và đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ quốc gia.
6. Có kinh phí đầy đủ và kế hoạch triển khai hiệu quả.
7. BĐH 112 cần thống nhất quan điểm chuẩn hoá và kiên quyết triển khai các nhiệm vụ chuẩn hoá đặt ra.
8. Cần có một bộ máy giúp việc BĐH hoạt động liên tục và toàn bộ thời gian.

CHƯƠNG 4

LỰA CHỌN CÁC PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG TỔ CHỨC CHUẨN HOÁ

Tổ chức chuẩn hoá trong khuôn khổ Đề án 112 cần được thực hiện theo các định hướng sau:

4.1.1. Định hướng chuẩn hoá về kiến trúc hệ thống thông tin

Định hướng này là tiêu chí quan trọng nhất của hệ thống thông tin THHQLHCNN.

Để xây dựng Chính phủ điện tử, QĐ 112 quy định phải xây dựng một Hệ thống tin học hoá thống nhất trong bộ máy hành chính nhà nước. Hệ thống gồm các thành phần là các hệ cơ sở dữ liệu *tương đối độc lập* của các Bộ, ngành, các tỉnh, thành phố; tuy nhiên giữa các thành phần đó vừa có nhiều *mối liên kết ngang* với chức năng trao đổi, chia sẻ thông tin, vừa có những *mối liên kết dọc* theo cấu trúc phân cấp của hệ thống chức năng quản lý hành chính nhà nước. Vì các thành phần là tương đối độc lập cả về bản chất thông tin dữ liệu, cả về yêu cầu của nhiệm vụ quản lý mà nó cần đáp ứng, cho nên việc tin học hoá sẽ được thực hiện một cách tương đối độc lập ngay từ đầu ở

các Bộ, ngành, địa phương. Tuy nhiên, để trở thành một nguồn lực quan trọng, một tài sản quốc gia quan trọng, không những chỉ phục vụ đặc lực, trực tiếp cho công tác chỉ đạo điều hành riêng lẻ của từng Bộ, ngành, địa phương mà còn phục vụ trực tiếp cho công tác chỉ đạo điều hành của Chính phủ thì vấn đề quan trọng có tính quyết định là kiến trúc của Hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nhà nước phải thể hiện được *các mối liên kết ngang và các mối liên kết dọc*. Từ đó, xuất hiện một đòi hỏi bức bách là phải nghiên cứu phân tích và thiết kế tổng thể toàn hệ thống để xác định rõ các yêu cầu và cách thực hiện bằng công cụ tin học các mối liên kết chung, đặc biệt là các liên kết trong quan hệ phân cấp của Hệ thống. Đòi hỏi này nghĩa là kiến trúc của hệ thống thông tin tin học hoá quản lý hành chính nhà nước là một ***hệ thống thống nhất, có tính liên kết cao và mang tính dùng chung*** trong bộ máy hành chính nhà nước.

Chỉ có tổ chức kiến trúc như vậy, hệ thống mới bảo đảm phục vụ trực tiếp và hiệu quả cho Chính phủ, các cơ quan hành chính nhà nước, doanh nghiệp và công chúng.

4.1.2. Định hướng chuẩn hoá về tạo lập thông tin trên hệ thống

Trong kiến trúc hệ thống thông tin nêu trên, tất cả các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước đều là thành phần của hệ thống. Hệ thống thông tin chỉ tồn tại khi có thông tin và thông tin đó do các thành phần trên hệ thống cung cấp. Chính vì thế việc quy định chế độ cung cấp thông tin cho hệ thống, hay là chuẩn hoá việc tạo lập thông tin trên hệ thống, là hết sức cần thiết để bảo đảm cho hệ thống tồn tại.

Định hướng này bao gồm:

- Quy định chế độ trách nhiệm cung cấp thông tin;
- Chuẩn hoá nội dung thông tin cung cấp.

4.1.3. Định hướng chuẩn hoá giải pháp công nghệ đối với kết cấu hạ tầng CNTT

Định hướng chuẩn hoá giải pháp công nghệ gồm:

1. Chuẩn hoá việc lựa chọn công nghệ và các tiêu chuẩn kỹ thuật cho kết cấu hạ tầng CNTT và các hệ phần mềm ứng dụng, bao hàm trong nó các tiêu chuẩn cụ thể về kết nối, trao đổi dữ liệu và truy xuất thông tin.
2. Chuẩn hoá về việc tích hợp dữ liệu của toàn hệ thống.
3. Chuẩn hoá về an toàn, bảo mật hệ thống.

4.1.4. Định hướng về phân cấp trách nhiệm

Chuẩn hoá là nội dung cốt lõi để hình thành, duy trì và phát triển hệ thống thông tin THHQLHCNN, vì vậy nó đòi hỏi tất cả các thành phần của hệ thống phải tham gia và thực hiện. Việc tham gia và thực hiện này cần phải được tổ chức theo sự phân cấp, trong đó:

1. Trách nhiệm của quốc gia (thông qua BÐH12);
2. Trách nhiệm của các bộ, ngành, tỉnh và thành phố;
3. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc bộ, tỉnh, như các cục, vụ, viện, sở, ban, ngành, quận, huyện, thị.
4. Trách nhiệm của các cá nhân cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước.

4.1.5. Định hướng về đào tạo, đóng góp và sử dụng hệ thống THHQLHCNN

Phần trên đã nêu về trách nhiệm cá nhân của tất cả các cán bộ, công chức trong bộ máy nhà nước. Nghĩa vụ thực hiện THHQLHCNN của các cán bộ, công chức phải đi kèm với quyền lợi được sử dụng hệ thống của họ. Để có thể thực hiện được nghĩa vụ và quyền lợi đối với một công cụ mới, hiện đại, cần phải tổ chức đào tạo họ để có khả năng làm chủ công cụ mới này. Công tác chuẩn hoá cần hướng về:

1. Đào tạo ứng dụng công cụ mới;
2. Đào tạo cách thức xây dựng hệ thống thông tin và tạo lập tin điện tử;
3. Quy định trách nhiệm trong việc đóng góp thông tin và sử dụng hệ thống thông tin.

Năm định hướng chuẩn hoá trên đây sẽ được cụ thể hoá trong 7 nội dung tổ chức thực hiện chuẩn hoá cấp bách nhất để triển khai Đề án 112 dưới đây.

4.2. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUẨN HOÁ TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN CỦA CÁC BỘ, TỈNH

Bước khởi đầu quan trọng nhất của việc chuyển đổi hệ thống thông tin hiện nay sang hệ thống thông tin mới phù hợp với phát triển kinh tế-xã hội và quản lý KT-XH của đất nước là làm rõ trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ, tỉnh- các đầu mối lớn của hệ thống thông tin quốc gia. Đây cũng là tiền đề cần thiết để triển khai thực hiện các nhiệm vụ THHQLHCNN theo QĐ112.

Để làm rõ trách nhiệm này, đã có Tiểu đề án số 1- Chuẩn hoá khung trách nhiệm cung cấp thông tin của bộ, tỉnh (Phụ lục 1). Việc quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ, tỉnh được thực hiện theo 3 nội dung quan trọng sau:

- 4.2.1. Quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ, tỉnh cho Chính phủ và các cơ quan trong bộ máy hành chính nhà nước;
- 4.2.2. Quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ, tỉnh cho doanh nghiệp và công chúng;
- 4.2.3. Hệ thống các dự án, đề án thực hiện quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ, tỉnh.

Việc quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ, tỉnh là một vấn đề lớn của quốc gia, chưa thể làm ngay được, mà phải thông qua một bước nghiên cứu và thực hiện tiếp. Bước này được lựa chọn thực hiện các nhiệm vụ sau:

- 1) Dự án “Xác định nội dung thông tin cho hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ điều hành” tại các bộ;
- 2) Dự án “Xây dựng hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ điều hành” tại các tỉnh;
- 3) Dự án “Xây dựng Website công cộng” của các bộ, tỉnh;
- 4) Đề án “Quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ, tỉnh”.

Hai dự án 2, 3 đã có trong các đề án THHQLHCNN của các bộ, tỉnh. Tuy nhiên, BĐH 112 cần có quy định chuẩn hoá thống nhất việc thực hiện các loại hình sản phẩm này theo 3 nội dung quan trọng nêu trên về trách nhiệm cung cấp thông tin của bộ, tỉnh. Công việc này đang được BĐH112 tổ chức triển khai, thông qua các dự án thí điểm về phần mềm dùng chung đối với hệ thống thông tin tổng hợp KT-XH phục vụ điều hành ở một số tỉnh, đối với hệ thống thông tin tổng hợp KT-XH phục vụ điều hành ở một số bộ, ngành và đối với website của một số bộ, tỉnh.

Dự án 1 là dự án hết sức cần thiết phải triển khai trong 2 năm 2004-2005.

Đề án 4 nhằm đi đến xác định các văn bản quy phạm pháp luật quy định trách nhiệm cung cấp thông tin lên mạng của các bộ, tỉnh phục vụ Chính phủ, các cơ quan chính phủ và doanh nghiệp, công chúng. Đây chính là bước xác lập lại chế độ báo cáo mới phục vụ cho hệ thống thông tin nhà nước.

Khung nội dung dự án 1 và đề án 4 đã được trình bày trong Phụ lục 1.

4.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUẨN HOÁ CÁC NHIỆM VỤ THHQLHCNN CỦA CÁC BỘ, TỈNH

Phần trên nêu về nhiệm vụ chung, tạo tiền đề cần thiết để thực hiện Đề án 112, còn phần này là các nhiệm vụ cụ thể trong triển khai các nhiệm vụ đã được quy định tại QĐ112.

Việc tổ chức thực hiện chuẩn hoá các nhiệm vụ THHQLHCNN của các bộ, tỉnh được thể hiện cụ thể tại Phụ lục 2 kèm theo.

Nhiệm vụ THHQLHCNN của các bộ, tỉnh theo quy định của 112, được cụ thể hoá thành 3 nội dung quan trọng sau:

4.3.1. *Nhiệm vụ tin học hoá trong các hoạt động quản lý hành chính và điều hành tác nghiệp*

Nhiệm vụ này được thể hiện cụ thể trong các nội dung chuẩn hoá sau đây:

1. Tổ chức hội họp, giao ban trên mạng CPnet;
2. Gửi nhận văn bản điện tử- thư tín điện tử;
3. Quản lý hồ sơ công việc;
4. Xử lý các loại văn bản hành chính và nghiệp vụ;
5. Ban hành- tiếp nhận- quản lý các văn bản quy phạm pháp luật;
6. Quản lý tài sản;
7. Quản lý cán bộ;
8. Quản lý tài chính công.

4.3.2. *Nhiệm vụ xây dựng các cơ sở dữ liệu*

Nhiệm vụ này được thể hiện cụ thể trong các nội dung chuẩn hóa sau đây:

1. Các cơ sở dữ liệu quốc gia;
2. Các cơ sở dữ liệu vĩ mô của bộ, tỉnh;
3. Các CSDL của cục, vụ, viện, sở, ban, ngành, quận, huyện, thị;
4. Các CSDL của các ngành kinh tế- kỹ thuật.

4.3.3. *Nhiệm vụ tin học hoá các dịch vụ hành chính công, tổ chức trang tin điện tử và sử dụng Internet*

Nhiệm vụ này được thể hiện cụ thể trong các nội dung chuẩn hóa sau đây:

1. Các loại hình dịch vụ hành chính công;
2. Các loại hình trang tin điện tử;
3. Các hoạt động sử dụng Internet.

Với các nhiệm vụ nêu trên, khối lượng công việc của mỗi bộ, tỉnh là rất lớn và phức tạp, nhưng không thể không thực hiện vì đã được quy định trong Đề án 112. Chính vì thế cần phải có chương trình tổng thể, lộ trình thực hiện và kế hoạch triển khai trong 2 năm còn lại (2004-2005).

Chương trình tổng thể bao gồm 26 công việc, lộ trình thực hiện chúng và kế hoạch triển khai cụ thể cho 2 năm 2004-2005 được thể hiện rõ trong Phụ lục số 2.

4.4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUẨN HOÁ NỘI DUNG THÔNG TIN CỦA BỘ, TỈNH

Tin học hoá hệ thống quản lý hành chính nhà nước theo QĐ112 là phải xây dựng hệ thống thông tin thống nhất, có tính liên kết cao và được chia sẻ, dùng chung. Hệ thống thông tin gồm các thành phần là hệ cơ sở dữ liệu tương đối độc lập của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố vừa có mối liên kết theo chiều ngang với chức năng trao đổi, chia sẻ thông tin, vừa có mối liên kết theo chiều dọc theo sự phân cấp quản lý hành chính nhà nước. Để có được sự thống nhất trong hệ thống thông qua phương tiện tin học hoá thì việc tạo nguồn và chuẩn hoá thông tin là nhiệm vụ quan trọng và có ý nghĩa quyết định.

Việc tổ chức thực hiện chuẩn hoá nội dung thông tin được thể hiện đầy đủ trong Phụ lục số 3 kèm theo, với 3 giải pháp tạo nguồn và chuẩn hoá thông tin cơ bản sau đây:

4.4.1. Chuẩn hoá và ban hành các bảng danh mục dùng chung

Nhiệm vụ này được thể hiện cụ thể trong các nội dung chuẩn hóa sau đây:

1. Xây dựng danh mục (bao gồm mã hoá (ID), tên gọi) cho các cơ sở kinh tế- xã hội;
2. Xây dựng bảng danh mục đơn vị hành chính;
3. Các bảng danh mục phân loại kinh tế;
4. Các bảng danh mục phân loại sản phẩm, dịch vụ;
5. Các bảng danh mục theo mục đích chi tiêu;
6. Các bảng danh mục về lao động và giáo dục;
7. Các bảng danh mục về các vấn đề xã hội và sức khoẻ;
8. Các bảng danh mục chuyên ngành.

4.4.2. Chuẩn hoá hệ thống các chỉ tiêu thuộc các lĩnh vực

Nhiệm vụ này được thể hiện cụ thể trong các nội dung chuẩn hóa sau đây:

1. Chuẩn hoá các chỉ tiêu tài chính, tiền tệ;
2. Chuẩn hoá các chỉ tiêu thống kê kinh tế;
3. Chuẩn hoá các chỉ tiêu thống kê xã hội;
4. Chuẩn hoá các chỉ tiêu khoa học công nghệ;
5. Chuẩn hoá các chỉ tiêu môi trường;
6. Chuẩn hoá các chỉ tiêu phản ánh tài nguyên đất và tài nguyên;
7. Chuẩn hoá các chỉ tiêu về con người và phát triển con người;
8. Chuẩn hóa các loại hồ sơ hành chính.

4.4.3. Các dự án chuẩn hoá

Để thực hiện việc chuẩn hoá và ban hành các chuẩn theo 18 nội dung nêu ở 2 phần trên, cần tiến hành xây dựng và triển khai 10 dự án sau đây:

1. Dự án 1- Xây dựng danh mục (ID, tên gọi) cho các cơ sở kinh tế- xã hội.
 2. Dự án 2- Dự án nâng cấp, hoàn thiện các bảng danh mục, bao gồm danh mục hành chính, danh mục ngành kinh tế quốc dân, danh mục phân loại sản phẩm chủ yếu, danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu, danh mục chi tiêu của Chính phủ, danh mục tiêu dùng cá nhân, bảng phân loại theo mục đích các cơ sở phi lợi nhuận phục vụ hộ gia đình, bảng phân loại chi tiêu của nhà sản xuất, bảng phân loại dịch vụ thương mại quốc tế, bảng phân loại giáo dục- đào tạo và bảng danh mục nghề nghiệp.
 3. Dự án 3- Chuẩn hoá các chỉ tiêu tài chính- ngân sách.
 4. Dự án 4- Chuẩn hoá các chỉ tiêu thống kê kinh tế.
 5. Dự án 5- Chuẩn hoá các chỉ tiêu thống kê xã hội.
 6. Dự án 6- Chuẩn hoá các chỉ tiêu môi trường.
 7. Dự án 7- Chuẩn hoá các chỉ tiêu về con người và phát triển con người.
 8. Dự án 8- Chuẩn hoá các chỉ tiêu khoa học công nghệ.
 9. Dự án 9- Chuẩn hoá các loại hồ sơ hành chính.
 10. Dự án 10- Chuẩn hoá các chỉ tiêu phản ánh tài nguyên đất.
- Khung nội dung của các dự án này đã được thể hiện tại Phụ lục 3.

4.5. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUẨN HOÁ KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ CỦA HỆ THỐNG THHQLHCNN

Với quy mô to lớn và tổ chức phức tạp gồm rất nhiều thành phần khác nhau của toàn hệ thống QLHCNN, việc thống nhất các tiêu chuẩn kỹ thuật và công nghệ áp dụng vào hệ thống mạng diện rộng của Chính phủ (CPnet) là một yêu cầu bắt buộc để bảo đảm thành công khi thiết kế, xây dựng và vận hành mạng.

Về mặt này, các chuyên gia tin học đã nghiên cứu, thảo luận nhiều lần để đi đến nhất trí một số định hướng lớn và lựa chọn công nghệ nền móng. Những kết quả đó đã được BĐH112 phê duyệt, chỉnh lý và xuất bản trong cuốn sách “ Đề án tin học hoá quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2001-2005 trong hành động”.

Tiếp theo bước định hướng và lựa chọn căn bản này, việc tổ chức thực hiện chuẩn hoá kỹ thuật, công nghệ của hệ thống THHQLHCNN được thực hiện và thể hiện cụ thể trong Phụ lục số 4. Phụ lục này là tài liệu có mục đích giới thiệu chi tiết các tiêu chuẩn kỹ thuật quan trọng của những công nghệ chủ yếu cần phải được mọi thành viên trong hệ thống áp dụng trong giai đoạn 2003-2005, đặc biệt trong lĩnh vực mạng thông tin. Trong tài liệu này, việc xác định các công nghệ là nhằm phục vụ cho việc ứng dụng trong những lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- Kết nối hệ thống;

- Định dạng dữ liệu;
- Truy xuất thông tin;
- Tích hợp dữ liệu;
- Các mạng tin học;
- Các hệ thống tin điện tử;
- Bảo vệ dữ liệu;
- Quản trị mạng và người sử dụng.

Trong đó, các vấn đề cụ thể về kỹ thuật cần được chuẩn hoá để bảo đảm cho hệ thống đồng bộ từ Chính phủ tới bộ, ngành, địa phương và các đơn vị trao đổi thông suốt với nhau. Các nội dung cụ thể gồm:

4.5.1. Các mạng máy tính

1. Chuẩn hệ thống mở;
2. Mô hình mạng OSI;
3. Phân loại mạng máy tính.

4.5.2. Mạng cục bộ

1. Các kiểu kiến trúc mạng;
2. Các công nghệ Ethernet.

4.5.3. Mạng diện rộng

1. Đường thuê riêng;
2. Mạng X25;
3. Mạng Frame Relay;
4. Mạng ISDN;
5. Mạng ATM;
6. Các đường truyền DSL;
7. Mạng điện thoại công cộng.

4.5.4. Các hệ điều hành mạng

1. UNIX;
2. Novell Netware;
3. Microsoft Windows NT/2000;
4. Linux.

4.5.5. Quản trị hệ thống mạng

1. Tầm quan trọng của quản trị mạng;
2. Các chức năng quản trị mạng;
3. Mô hình quản trị mạng truyền thống;
4. Giao thức SNMP;
5. Quản trị hệ thống mạng WAN;

6. Quản trị hệ thống mạng LAN.

4.5.6. Cáp truyền và ổ cắm

1. Các kiểu cáp phổ biến;
2. Cáp đồng trục;
3. Cáp xoắn đôi;
4. Cáp sợi quang;
5. Các ứng dụng và các loại cáp chủ yếu;
6. Các kiểu ổ cắm chủ yếu.

4.5.7. Cấu trúc mạng CPnet

1. Hệ thống truyền dẫn;
2. Cổng kết nối Internet;
3. Cổng kết nối dịch vụ công.

Tài liệu nêu trên đây là một định hướng quan trọng của công tác chuẩn hoá trong điều kiện các thành phần của hệ thống tổ chức xây dựng riêng lẻ, với một số trang thiết bị đã có sẵn từ trước. Sau khi được phê duyệt, tài liệu này sẽ là một bộ phận hữu cơ của các nội dung cần được hướng dẫn để triển khai trong thực tiễn. Như vậy nó sẽ trực tiếp phục vụ dự án đào tạo cán bộ của Đề án 112 và sẽ được phổ biến rộng rãi để cho các đơn vị đối tác cũng có thể nắm vững trước khi tham gia thi công mạng CPnet và các trung tâm tích hợp dữ liệu.

4.6. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUẨN HOÁ CÁC TRUNG TÂM TÍCH HỢP DỮ LIỆU

Trung tâm tích hợp dữ liệu (TTTHDL) là thành phần quan trọng của hệ thống thông tin THHQLHCNN. Đây là hạng mục quan trọng của Đề án 112, cần được chuẩn hoá thống nhất trong cả nước.

Việc tổ chức thực hiện chuẩn hoá các TTTHDL được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số 5. Nội dung chính của việc chuẩn hoá các TTTHDL trong khuôn khổ Đề án 112 được thể hiện rõ nét trong kiến trúc chung của TTTHDL. Kiến trúc của TTTHDL bao gồm kiến trúc phần vật lý (mạng, máy chủ) và kiến trúc về thông tin. Vì vậy nội dung chính của công tác chuẩn hoá là như sau:

1. Kiến trúc kỹ thuật TTTHDL:

TTTHDL được kiến trúc theo mô hình nhiều lớp (Multi-tier), bao gồm vùng ngoài, vùng giao diện và vùng mạng nội dung (gồm lớp ứng dụng và lớp doanh nghiệp).

2. Kiến trúc hệ thống thông tin:

Kiến trúc của hệ thống thông tin có sự phân cấp đã được thể hiện ở mục 4.1.1 trên đây. Theo kiến trúc từng cấp, có mô hình thông tin tương thích và do đó sẽ tổ chức thông tin của TTTHDL cùng cấp một cách thích hợp, cả về nguồn dữ liệu và tích hợp thành kho dữ liệu tập trung.

3. Nhiệm vụ của TTTHDL.

Những nhiệm vụ nêu trên là khá phức tạp và cần có bước nghiên cứu tiếp theo nhằm đưa ra được các quy định làm việc thể hiện dưới dạng các quy trình, các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ chế làm việc, cũng như các yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật của TTTHDL, đồng thời làm rõ những nhiệm vụ của Trung tâm tin học. Cần nói thêm rằng, có một sự phân biệt nhất định giữa vai trò của TTTHDL và vai trò của TTTH, 2 thành phần quan trọng của Đề án 112. Do đó, để thực hiện tổ chức chuẩn hoá TTTHDL, cần thực hiện 4 đề án sau đây:

1. Đề án 1- Đề án về tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm tích hợp dữ liệu. Trong đó có việc làm rõ chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm tin học và Trung tâm tích hợp dữ liệu;
2. Đề án 2- Đề án về chuẩn hoá cấu hình kỹ thuật của TTTHDL;
3. Đề án 3- Đề án chuẩn hoá quy trình làm việc của TTTHDL;
4. Đề án 4- Đề án xây dựng cơ chế bảo đảm hoạt động của TTTHDL.

Khung nội dung của các đề án này đã được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số 5.

4.7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUẨN HOÁ AN TOÀN, BẢO MẬT HỆ THỐNG

Việc tổ chức thực hiện chuẩn hoá an toàn, bảo mật hệ thống THQLHCNN được thể hiện đầy đủ trong Phụ lục 6. Trong đó nêu ra các vấn đề cần giải quyết một cách hữu hiệu và các nhiệm vụ phải thực hiện để triển khai và duy trì các hệ thống thông tin điện tử hoạt động an toàn trên mạng CPnet, cũng như trong liên kết với các mạng khác, thông qua các TTTHDL của các bộ, ngành, tỉnh, thành phố.

Nội dung chủ yếu của công tác chuẩn hoá gồm:

1. Xác định nhiệm vụ và phương hướng tăng cường an ninh mạng tin học, bao gồm xác định các kẽ hở và các mối đe dọa, chủ động phòng ngừa và đối phó xử lý;
2. Định vị các kẽ hở;
3. Các mối nguy hiểm chủ yếu;
4. Các biện pháp bảo vệ hệ thống;
5. An ninh tin học trong Đề án 112, bao gồm kiến nghị thành lập các bộ phận chuyên trách như Trung tâm quản lý CPnet, Đội cứu hộ an ninh CPnet và các dự án kèm theo;

6. Xây dựng kết cấu hạ tầng khoá công khai, bao gồm trong đó kiến nghị xây dựng các cơ quan chứng thực, triển khai các hoạt động chứng thực, xác thực và các dự án liên quan.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, cần triển khai xây dựng 3 dự án. Định hướng của 3 dự án này đã được thể hiện rõ trong phụ lục 6.

4.8. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHUẨN HOÁ ĐÀO TẠO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC NHÀ NƯỚC

Mặc dù BĐH 112 đã có dự án về đào tạo cán bộ trong khuôn khổ Đề án 112, song để đạt được chương trình chuẩn bị nguồn lực (nêu ở mục 3.1.5) cần phải có bước nghiên cứu tổng thể việc chuẩn hoá đào tạo cán bộ, công chức nhà nước. Bước nghiên cứu tổng thể này được thể hiện cụ thể ở Phụ lục

7. Nội dung chủ yếu của chuẩn hoá gồm:

1. Thống nhất phân loại đối tượng đào tạo;
2. Chuẩn hoá nội dung đào tạo cho từng loại đối tượng;
3. Chuẩn hoá về tiêu chuẩn đội ngũ giảng viên;
4. Chuẩn hoá phương pháp và phương tiện giảng dạy;
5. Chuẩn hoá cách tổ chức và đánh giá kết quả.

Để thực hiện các nội dung trên, cần thiết phải có 3 dự án sau :

- Dự án Xây dựng môi trường đào tạo;
- Dự án Xây dựng chương trình và giáo trình;
- Dự án Hiệu chỉnh chương trình và nội dung đào tạo.

Khung nội dung, kế hoạch và kinh phí của 3 dự án này đã được thể hiện trong Phụ lục số 7.

CHƯƠNG 5

KẾ HOẠCH THỰC HIỆN VÀ VỐN ĐẦU TƯ

5.1. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỨC TẠP VÀ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC CẦN TRIỂN KHAI CHUẨN HOÁ

5.1.1. Nhận xét chung

Chương 4 đã miêu tả nội dung chính các nhiệm vụ chuẩn hoá thuộc Đề án tin học hoá quản lý hành chính nhà nước. Nội dung chính này, trong khi thoả mãn xử lý được những bất cập trong hiện trạng của bộ máy và tuân thủ nguyên tắc ***lấy mục tiêu xây dựng thông tin dữ liệu là chính***, đã tạo nên một khối lượng công việc phải xử lý hết sức lớn và hết sức phức tạp. Khối lượng công việc này không thể không triển khai, song việc triển khai chúng không phải là dễ. Việc xử lý chúng phải ***gắn chặt với công cuộc cải cách nền hành chính nhà nước và phải ở tầm quốc gia***. Vì thế, nếu chỉ bó gọn việc xử lý trong khuôn khổ chức năng, quyền hạn của BĐH 112 thì sẽ không thể thực hiện được, mà cần phải có giải pháp huy động quyền hạn cao hơn và sự phối hợp với toàn thể bộ máy nhà nước.

Từ nhận xét chung nêu trên, việc triển khai công tác chuẩn hoá cần chú ý đặc biệt đến việc xử lý 2 vấn đề hết sức quan trọng sau:

1) *Sức ỳ về tâm lý*: Trên thực tế, sau 3 năm triển khai thực hiện QĐ112 của Chính phủ, vẫn chưa có sự chuyển động đáng kể việc thực hiện tin học hoá quản lý hành chính nhà nước trong toàn thể bộ máy hành chính nhà nước, đặc biệt là chuyển động về tạo nguồn thông tin dữ liệu dùng chung trong bộ máy. Công tác chuẩn hoá phải định ra những công việc đặc biệt để giải quyết hiện tượng này.

2) *Tập trung vào xây dựng thông tin dữ liệu*: Tình trạng chung hiện nay trong hầu hết các cơ quan nhà nước là tập trung vào xử lý phần công nghệ thông tin và những nội dung công nghệ, kỹ thuật liên quan. Cần thấy rằng, tất cả những thứ đó chỉ là phương tiện quan trọng để thực hiện mục tiêu, còn mục tiêu chính của Đề án 112 là phải tập trung xây dựng thông tin dữ liệu. Vì vậy, để triển khai chuẩn hoá, cần thiết phải chuyển hướng tập trung hoạt động, đặt trọng tâm vào tổ chức xây dựng thông tin dữ liệu.

5.1.2. Khối lượng công việc cần triển khai chuẩn hoá

Từ những chương nêu trên, khối lượng công việc cần phải triển khai chuẩn hoá, đặt trọng tâm vào 2 vấn đề quan trọng nêu trên đây, bao gồm tất cả các nội dung cơ bản đã chỉ ra ở Chương 4.

Khối lượng các nhiệm vụ phải triển khai chuẩn hoá được chỉ ra trong 7 Tiêu đề án đều hết sức cần thiết để chuẩn hoá hệ thống theo định hướng xây dựng Chính phủ điện tử và đều có trong các quy định của Đề án 112. Tuy nhiên, chúng khá lớn và khó có thể thực hiện được hết với lực lượng và các điều kiện hiện tại, với thời gian chỉ còn có 2 năm (2004-2005). Chính vì vậy, cần phải xác định trong chúng những nhiệm vụ thiết yếu và trực tiếp nhất để triển khai trong 2 năm còn lại của Đề án 112. Khối lượng các nhiệm vụ chuẩn hóa được lựa chọn đó bao gồm:

1. Dự án “Xác định nội dung thông tin cho hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ điều hành” tại các Bộ;
2. Dự án “ Xây dựng hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ điều hành” tại các tỉnh, thành phố;
3. Dự án “ Xây dựng Website công cộng” của các bộ, tỉnh;
4. Đề án “ Quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của bộ, tỉnh”, đi đến xây dựng chế độ báo cáo mới;
5. Đề án chuẩn hóa việc hội họp, giao ban trên mạng;
6. Đề án về gửi nhận văn bản điện tử- thư tín điện tử trên mạng CPnet;
7. Dự án CSDL quản lý hồ sơ công việc;
8. Dự án CSDL các văn bản hành chính và nghiệp vụ;
9. Dự án CSDL các văn bản quy phạm pháp luật;
10. Dự án CSDL quản lý tài sản công;
11. Dự án CSDL quản lý cán bộ, công chức;
12. Dự án CSDL quản lý tài chính công;
13. Đề án chuẩn hoá các CSDL của các cơ quan, ngành kinh tế- kỹ thuật, bao gồm các CSDL về điều tra cơ bản nhà nước;
14. Đề án chuẩn hoá tin học hoá các dịch vụ hành chính công;
15. Đề án chuẩn hoá các loại hình trang tin điện tử;
16. Đề án chuẩn hoá các hoạt động sử dụng Internet trong các cơ quan nhà nước;
17. Dự án “ Xây dựng danh mục (ID, tên gọi) cho các cơ sở kinh tế- xã hội;
18. Dự án nâng cấp, hoàn thiện các bảng danh mục, bao gồm danh mục hành chính, danh mục ngành kinh tế quốc dân, danh mục phân loại sản phẩm chủ yếu, danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu, danh mục chỉ tiêu của Chính phủ, danh mục tiêu dùng cá nhân, bảng phân loại theo mục đích các cơ sở phi lợi nhuận phục vụ hộ gia đình, bảng phân loại chỉ tiêu của nhà sản xuất, bảng phân loại dịch vụ thương mại quốc tế, bảng phân loại giáo dục- đào tạo và bảng danh mục nghề nghiệp;
19. Dự án chuẩn hoá các chỉ tiêu tài chính- ngân sách;
20. Dự án chuẩn hoá các chỉ tiêu thống kê kinh tế;
21. Dự án chuẩn hoá các chỉ tiêu thống kê xã hội;

22. Dự án chuẩn hoá các chỉ tiêu môi trường;
23. Dự án chuẩn hoá các chỉ tiêu về con người và phát triển con người;
24. Dự án chuẩn hoá các chỉ tiêu khoa học công nghệ;
25. Dự án chuẩn hoá các loại hồ sơ hành chính;
26. Dự án chuẩn hoá các chỉ tiêu phản ánh tài nguyên đất;
27. Dự án xây dựng và công bố tài liệu “ Hướng dẫn triển khai chuẩn hoá kỹ thuật, công nghệ hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nhà nước”;
28. Đề án xây dựng chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu, bao hàm việc làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các trung tâm tin học;
29. Đề án chuẩn hoá cấu hình kỹ thuật của Trung tâm tích hợp dữ liệu;
30. Đề án chuẩn hoá quy trình làm việc của Trung tâm tích hợp dữ liệu;
31. Đề án xây dựng cơ chế bảo đảm hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu;
32. Dự án thành lập Trung tâm quản lý CPnet (CP- NMC);
33. Dự án thành lập Đội cứu hộ an ninh CPnet (CP- SERT);
34. Dự án xây dựng hạ tầng khoá công khai;
35. Dự án xây dựng môi trường đào tạo cán bộ, công chức;
36. Dự án xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo cán bộ, công chức;
37. Dự án hiệu chỉnh chương trình và nội dung đào tạo;
38. Đề án xây dựng văn bản pháp quy về sử dụng mạng CPnet;
39. Đề án xây dựng hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện tổng hợp các công tác chuẩn hoá hệ thống THHQLHCNN;
40. Đề án về các chính sách phát triển hệ thống mạng THHQLHCNN.

37 đề án, dự án trên cùng đã được xác định cụ thể trong các Tiểu đề án (các phụ lục), hoặc là dưới dạng khung nội dung, hoặc dưới dạng định hướng nghiên cứu. Riêng 3 đề án dưới cùng (38, 39, 40) sẽ được định hướng ở các phần tiếp theo dưới đây.

5.1.3. Tính phức tạp trong triển khai chuẩn hóa

1. Việc thực hiện mỗi một công việc trong khối lượng 40 công việc nêu trên đều rất phức tạp, gắn chặt với công việc cải cách nền hành chính nhà nước. Điều này được thể hiện rõ nét là khi xử lý mỗi một nội dung đều phải gắn với:

- Trách nhiệm xử lý công việc của các đối tượng;
- Các quy định và quy phạm pháp luật liên quan;
- Giải quyết vấn đề tâm lý và sức y; cải tiến lề lối làm việc;
- Nội dung kỹ thuật cần thực hiện (trong đó có phần mềm dùng chung);

- Thời gian và không gian; chủ thể và khách thể...(tùy thuộc vào mục tiêu cụ thể và mục tiêu lâu dài);
- Người thực hiện.

2. Khối các nội dung nêu trên (40 nội dung) là nhằm giải quyết mâu thuẫn giữa nhu cầu của công tác chuẩn hoá các nội dung kỹ thuật của hệ thống với việc xử lý các khó khăn trong thực hiện do sự không đồng bộ trong các điều kiện bảo đảm thực hiện làm phát sinh ra nhiều khó khăn như giải quyết vấn đề quyền hạn và trách nhiệm; các mối quan hệ; sự sẵn sàng của pháp quy, của thông tin; nhân sự thực hiện; vấn đề tài chính;...Điều này nghĩa là, trong khi giải quyết từng nội dung lớn của công tác chuẩn hoá nêu trên, cần giải quyết đồng bộ những khó khăn này, và vì thế công việc trở nên phức tạp.

3. Bản thân nội dung các công việc chuẩn hoá các nhiệm vụ phải thực hiện THHQLHCNN của các Bộ, tỉnh cũng cho thấy tính phức tạp của nó. Chuẩn hoá các nhiệm vụ phức tạp hơn rất nhiều so với chuẩn hoá riêng các yếu tố kỹ thuật của hệ thống. Chuẩn hoá các nhiệm vụ không những là một yêu cầu bắt buộc, gắn chặt với công cuộc cải cách hành chính nhà nước mà còn là điều kiện tiên đề để thực hiện tin học hoá quản lý hành chính nhà nước theo các mục tiêu và nội dung của Đề án 112.

4. Khối các nội dung nêu trên là những công việc cần thiết tối thiểu để giải quyết mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của QĐ112:

Mục tiêu chung là: “Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước; đến cuối năm 2005, đưa hệ thống thông tin điện tử của Chính phủ vào hoạt động. Bám sát các mục tiêu của Chương trình Cải cách hành chính nhà nước, thúc đẩy mạnh mẽ việc hiện đại hoá công nghệ hành chính, thực hiện tin học hoá các quy trình phục vụ nhân dân trong các lĩnh vực dịch vụ công, nâng cao năng lực của các cơ quan hành chính nhà nước trong việc cung cấp các dịch vụ công cho nhân dân và doanh nghiệp được thuận tiện, nhanh gọn và chất lượng cao”.

Mục tiêu cụ thể là:

“- Xây dựng các hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nhà nước, phục vụ trực tiếp cho công tác chỉ đạo điều hành trong hệ thống các cơ quan hành chính nhà nước. Hoàn thiện và thống nhất áp dụng các chương trình ứng dụng phục vụ quản lý, điều hành (thư tín điện tử, gửi nhận văn bản điện tử, quản lý hồ sơ công việc, quản lý cán bộ...).

- Thúc đẩy cải cách hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước, cải cách bộ máy tổ chức và lề lối làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi thẩm quyền của Chính phủ trên cơ sở gắn mục tiêu tin học hoá quản lý hành chính nhà nước với Chương trình cải cách hành chính của Chính phủ.”

Việc xử lý mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, theo những nội dung quy định nêu trên, tạo ra tính phức tạp trong việc xây dựng và thực hiện từng nội dung của công tác chuẩn hoá.

5.1.4. Các yếu tố đảm bảo để triển khai công tác chuẩn hoá

Để thực hiện khối lượng nội dung của công tác chuẩn hoá nêu trên, cần phải có các yếu tố đảm bảo sau đây:

1. Cần có sự chỉ đạo của Ban cải cách hành chính nhà nước:

Toàn bộ khối lượng nội dung của công tác chuẩn hoá cần phải là một nội dung quan trọng của Ban cải cách hành chính nhà nước, đồng thời phải là một nội dung được sự chỉ đạo sát sao, chặt chẽ của Thủ tướng Chính phủ.

Việc chuyển đổi công nghệ xử lý nghiệp vụ của Chính phủ hiện tại sang Chính phủ điện tử đòi hỏi phải làm công việc đó.

2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật:

Việc chuyển sang Chính phủ điện tử, gắn với vấn đề phân công trách nhiệm thực hiện trong Chính phủ đòi hỏi phải coi trọng xây dựng một hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật liên quan của Nhà nước. Nếu không, sẽ không thể thực hiện được mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể mà Chính phủ đã đề ra trong QĐ112.

3. Hệ thống các đề án, dự án:

Điều kiện tiên quyết để có Chính phủ điện tử là phải thiết lập được một **Hệ thống thông tin tin học hoá thống nhất, có tính liên kết cao và mang tính dùng chung** trong toàn bộ bộ máy hành chính nhà nước. Để làm điều đó, tiếp theo những công việc đã quy định cụ thể trong QĐ 112, cần phải có thêm một hệ thống các đề án, dự án quan trọng khác, trong đó có hệ thống các đề án, dự án về công tác chuẩn hoá hệ thống. Mỗi một đề án, dự án trong đó, cần thực hiện theo các yêu cầu sau:

- Không xử lý riêng được mà phải xử lý tổng thể, thống nhất với toàn hệ thống;
- Giải quyết vấn đề môi trường thông tin chung, trong đó có mạng chung;
- Giải quyết tâm lý và sức ỳ của các khâu trong hệ thống, cải tiến lề lối làm việc;
- Có sự phân công trách nhiệm rõ ràng và có sự phối hợp thực hiện cần thiết trong hệ thống.
- Quy định rõ trách nhiệm của các Bộ, tỉnh trong các nhiệm vụ liên quan.

4. Ngân sách:

Hệ thống các đề án, dự án nêu trên khá phức tạp và tốn kém, cần phải có ngân sách để đầu tư. Một số trong đó cần được đầu tư tập trung từ ngân sách do BĐH 112 quản lý và phân bổ; số khác là ngân sách của các Bộ, tỉnh.

5. Tổ chức thực hiện:

Với khối lượng lớn và tính chất phức tạp của nó, việc tổ chức thực hiện các nội dung chuẩn hoá trở thành một công việc rất quan trọng và có khối lượng quản lý rất lớn. Vì vậy, BĐH 112 cần coi trọng khâu tổ chức quản lý và giám sát việc triển khai các nội dung công việc của Chuẩn hóa. Cần có một bộ phận chuyên trách của BĐH 112 thực hiện nhiệm vụ này.

5.2. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHUẨN HOÁ

Trước hết, cần khẳng định rằng số lượng các nhiệm vụ cần thiết phải thực hiện chuẩn hoá được nêu trong các tiểu đề án của Đề án chuẩn hoá này là rất nhiều và việc thực hiện chúng là điều kiện để đảm bảo xây dựng thành công Chính phủ điện tử trong giai đoạn 2001-2010. Tuy nhiên, trong khuôn khổ của Đề án 112 giai đoạn 2001-2005, chỉ còn lại 2 năm nữa, việc thực hiện chúng chỉ được hạn chế trong phạm vi *đã được quy định cụ thể trong QĐ112*. Vì thế, kế hoạch triển khai chuẩn hoá chỉ tính đến 40 nhiệm vụ đã nêu.

5.2.1. Danh mục các nhiệm vụ chuẩn hoá thuộc Đề án 112 giai đoạn 2004-2005

TT	Nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian	Kinh phí (Triệu đồng)
I	CÁC ĐỀ ÁN			
1	Quy định trách nhiệm cung cấp thông tin của bộ, tỉnh	BĐH 112	năm 2004 (12 tháng)	theo Đề án
2	Chuẩn hoá việc hội họp giao ban trên mạng	BĐH112 và VPCP	12 tháng	theo Đề án
3	Gửi nhận văn bản điện tử- thư tín điện tử trên CPnet	BĐH112 và VPCP	12 tháng	theo Đề án
4	Chuẩn hoá các CSDL của các ngành kinh tế- kỹ thuật	BĐH112	7 tháng	200
5	Chuẩn hoá tin học hoá các dịch vụ hành chính công	BĐH112	7 tháng	200

6	Chuẩn hoá các loại hình trang tin điện tử	BĐH112	7 tháng	200
7	Chuẩn hoá các hoạt động sử dụng Internet trong các cơ quan nhà nước	BĐH112	7 tháng	200
8	Xây dựng chức năng, nhiệm vụ và tổ chức hoạt động của Trung tâm tích hợp dữ liệu	BĐH112 và Bộ Nội vụ (anh Đoa chủ trì)	3 tháng	90
9	Chuẩn hoá cấu hình của Trung tâm tích hợp dữ liệu	BĐH112	3 tháng	185
10	Chuẩn hoá quy trình làm việc của TTTHDL	BĐH112 và Bộ Khoa học công nghệ	6 tháng	287
11	Xây dựng cơ chế bảo đảm hoạt động của TTTHDL	BĐH112 và Bộ Nội vụ	3 tháng	105
12	Xây dựng văn bản pháp quy về sử dụng CPnet	BĐH 112 và Văn phòng CP	12 tháng	1000
13	Xây dựng hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện tổng hợp công tác chuẩn hoá hệ thống THHQLHCNN	BĐH 112	2 năm	200
14	Xây dựng các chính sách phát triển hệ thống THHQLHCNN	BĐH 112	6 tháng	200
II	CÁC DỰ ÁN			
15	Xác định nội dung thông tin cho hệ thống thông tin tổng hợp tại các bộ	BĐH112 với sự phối hợp của các bộ, ngành	năm 2004 (12 tháng)	theo Dự án
16	Xây dựng hệ thống thông tin tổng hợp phục vụ điều hành tại các tỉnh	BĐH112 với sự phối hợp của các bộ, ngành	đang triển khai thí điểm	theo Dự án
17	Xây dựng Website công cộng của các bộ, tỉnh	BĐH112 với sự phối hợp của các bộ, ngành	đang triển khai thí điểm	theo Dự án
18	CSDL quản lý hồ sơ công việc	BĐH112 và VPCP	12 tháng	theo Dự án
19	CSDL các văn bản hành chính và nghiệp vụ	BĐH112 và VPCP	12 tháng	theo Dự án

20	CSDL các văn bản quy phạm pháp luật	BĐH112 và Bộ Tư pháp	12 tháng	theo Dự án
21	CSDL quản lý tài sản công	BĐH112 và Bộ Tài chính	12 tháng	theo Dự án
22	CSDL quản lý cán bộ, công chức nhà nước	BĐH112 và Bộ Nội vụ	12 tháng	theo Dự án
23	CSDL quản lý tài chính công	BĐH112 và Bộ Tài chính	12 tháng	theo Dự án
24	Xây dựng danh mục (ID, tên gọi) các cơ sở kinh tế-xã hội	Tổng cục Thống kê	16 tháng	2350
25	Nâng cấp, hoàn thiện các bảng danh mục hiện sử dụng	Tổng cục Thống kê	2 năm	1278
26	Chuẩn hoá các chỉ tiêu tài chính- ngân sách	Bộ Tài chính	12 tháng	397
27	Chuẩn hoá các chỉ tiêu thống kê kinh tế	Tổng cục Thống kê	2 năm	360
28	Chuẩn hoá các chỉ tiêu thống kê xã hội	Tổng cục Thống kê	2 năm	361
29	Chuẩn hoá các chỉ tiêu môi trường	Bộ Tài nguyên Môi trường	2 năm	1490
30	Chuẩn hoá các chỉ tiêu về con người và phát triển con người	TTKHXH&NV QG	2 năm	500
31	Chuẩn hoá các chỉ tiêu khoa học công nghệ	Bộ Khoa học và Công nghệ	15 tháng	135
32	Chuẩn hoá các loại hồ sơ hành chính	Văn phòng Chính phủ	2 năm	1210
33	Chuẩn hoá các chỉ tiêu phản ánh tài nguyên đất	Bộ Tài nguyên Môi trường	2 năm	1020
34	Xây dựng và công bố tài liệu “Hướng dẫn triển khai chuẩn hoá kỹ thuật, công nghệ hệ thống THHQLHCNN”	BĐH 112	3 tháng	100
35	Thành lập Trung tâm quản lý CPnet (CP- NMC)	BĐH 112	3 tháng	90
36	Thành lập Đội cứu hộ an ninh CPnet (CP- SERT)	BĐH 112	3 tháng	90

37	Xây dựng hạ tầng khoá công khai	BĐH 112	6 tháng	800
38	Xây dựng môi trường đào tạo cán bộ, công chức	BĐH 112	2 năm	9500
39	Xây dựng giáo trình, chương trình đào tạo cán bộ, công chức	BĐH 112	2 năm	2000
40	Hiệu chỉnh chương trình và nội dung đào tạo cán bộ, công chức.	BĐH 112	2 năm	1500

Trong danh mục nêu trên có 3 điểm đáng lưu ý:

- 1. Tổng dự toán 28 hạng mục là: 26.048 triệu đồng;**
- 2. Tổng dự kiến cho 12 khoản mục còn lại: Khoảng 20- 25.000 triệu đồng. Các khoản dự toán cụ thể được thực hiện khi triển khai soạn thảo các đề án, dự án.**
- 3. Tổng kinh phí dự kiến cho các nhiệm vụ chuẩn hoá trong 2 năm 2004- 2005: 50 tỷ đồng.**

5.2.2. Việc lựa chọn thứ tự ưu tiên triển khai

1. Cả 40 nhiệm vụ chuẩn hoá nêu trong Danh mục các nhiệm vụ trên đây đều cần thiết phải triển khai trong thời kỳ 2004-2005;
2. Việc lựa chọn thứ tự ưu tiên thực hiện là một công việc phức tạp, cần phải được BĐH 112 xem xét kỹ để ra quyết định.
3. Đề nghị về tiêu chí lựa chọn thứ tự ưu tiên như sau:
 - Các công việc đã có quy định cụ thể và rõ ràng trong QĐ112 làm trước, các công việc trong QĐ 112 mới chỉ định hướng thì làm sau;
 - Các công việc về tổ chức hệ thống làm trước, các công việc về kỹ thuật làm sau;
 - Các công việc trong quyền hạn của BĐH112 làm trước, các công việc đòi hỏi quyền hạn lớn hơn làm sau;
 - Các công việc có khả năng làm ngay được thì làm trước.

5.3. VỐN ĐẦU TƯ

Toàn bộ 40 nhiệm vụ chuẩn hoá hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nêu trên tạo thành các tiền đề cần thiết để có thể triển khai thành công các nhiệm vụ và mục tiêu của Đề án 112. Vì chúng là những nhiệm vụ có tính chất quy định chung, mang tầm quốc gia nhằm thống nhất hệ thống, cho nên nguồn vốn đầu tư để thực hiện phải được lấy từ ngân sách tập trung của BĐH112.

Trong 2 năm còn lại của Đề án 112, đề nghị BĐH 112 phân bổ kinh phí thực hiện cho các hạng mục đã nêu sau khi đã quyết định về thứ tự ưu tiên triển khai các hạng mục. Tổng dự kiến kinh phí thực hiện trong 2 năm 2004-2005 là **50 tỷ đồng**.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CÁC KIẾN NGHỊ

6.1. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

6.1.1. Sự phân cấp trách nhiệm

Tinh thần của Đề án 112 là: “ Tin học hoá quản lý hành chính nhà nước phải được tổ chức đồng bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước; dựa vào bộ máy hiện có của Bộ, tỉnh để tổ chức thực hiện đề án”. Chuẩn hoá, theo các nội dung đã nêu ở các chương trước, là nội dung căn bản để BĐH112 tổ chức thực hiện nhiệm vụ nặng nề và khó khăn này của Chính phủ giao cho. Vì vậy tinh thần chung là **các nhiệm vụ của công tác chuẩn hoá phải được tổ chức đồng bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước**. Việc tổ chức được phân ra các cấp như sau (cụ thể hoá tinh thần Đề án 112):

1. Chỉ đạo chung

Theo sự phân công của Chính phủ, Ban Điều hành Đề án 112 chủ trì, phối hợp với một số cơ quan liên quan:

- Tổ chức việc xây dựng và triển khai các đề án, dự án chuẩn hoá có tính chất quan trọng của quốc gia (40 hạng mục đã nêu);
- Tổ chức hướng dẫn chuẩn hoá để tạo nguồn tài nguyên thông tin dùng chung đối với các tài nguyên thông tin hiện có và cần thiết trong bộ máy nhà nước;
- Ban hành và đề nghị ban hành chuẩn thông tin hành chính cấp quốc gia;
- Xây dựng hệ thống bảo vệ an toàn cho mạng tin học thuộc hệ thống hành chính nhà nước; ban hành chuẩn hoá an toàn và bảo mật của hệ thống;
- Tổ chức hướng dẫn chuẩn hoá việc xây dựng và đưa thông tin lên mạng của các CSDL quốc gia theo yêu cầu chuẩn hoá nêu tại mục 4.3. Đây là một nhiệm vụ tổ chức thực hiện quan trọng của BĐH112 được quy định cụ thể trong QĐ112 để tích hợp các CSDL quốc gia, kể cả các CSDL thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia lên mạng CPnet nhằm cung cấp thông tin cho các cơ quan hành chính nhà nước, các đối tượng nghiên cứu khác.

- Tổ chức việc soạn thảo, trình, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về việc chuẩn hoá hệ thống để bảo đảm căn cứ pháp lý cho việc trao đổi, khai thác thông tin trên mạng tin học diện rộng của Chính phủ. Điều này nghĩa là BĐH112 vừa soạn thảo, ban hành các văn bản pháp quy thuộc quyền hạn của mình, đồng thời vừa soạn thảo và trình các văn bản pháp quy cần thiết về chuẩn hoá hệ thống lên Chính phủ để ký ban hành.

Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật để triển khai tất cả các nhiệm vụ của Đề án 112 chủ yếu thuộc lĩnh vực chuẩn hoá. Hệ thống các văn bản này được thể hiện trong 3 đề án số 12, 13 và 14 của bảng Danh mục các nhiệm vụ chuẩn hoá.

2. Cấp bộ, ngành trung ương

Theo sự phân công của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương có trách nhiệm phải triển khai các nhiệm vụ tin học hoá quản lý hành chính nhà nước. Việc triển khai này, ngoài việc đầu tư cho các trang thiết bị, được thể hiện chủ yếu trên các nội dung quy định của công tác chuẩn hoá sau đây:

- Đưa các hạng mục của Đề án tin học hoá QLHCNN của Bộ đã được phê duyệt vào các quy định chuẩn hoá;

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các hạng mục, dự án trong Đề án THHQLHCNN của Bộ, ngành mình theo quy định chuẩn hoá quốc gia;

- Chuẩn hoá việc xây dựng và lưu trữ thông tin điện tử thuộc phạm vi thẩm quyền;

- Các bộ, ngành chủ quản các dự án CSDL quốc gia cần phải chuẩn hoá việc tổ chức thông tin và đưa thông tin trong CSDL quốc gia lên mạng chung của Chính phủ theo quy định của BĐH112. Các bộ, ngành có các CSDL kinh tế- kỹ thuật và điều tra cơ bản nhà nước và các bộ, ngành chủ quản các chương trình mục tiêu quốc gia cần phải thực hiện việc chuẩn hoá thông tin và đưa các nguồn tài nguyên thông tin này lên mạng chung của Chính phủ.

- Áp dụng chuẩn thông tin quốc gia và bảo vệ thông tin.

3. Cấp tỉnh

Theo sự phân công của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản đầu tư; Văn phòng HĐND, UBND cấp tỉnh là chủ đầu tư, có trách nhiệm phải triển khai các nhiệm vụ tin học hoá quản lý hành chính nhà nước. Việc triển khai này, ngoài việc đầu tư cho các trang thiết bị, được thể hiện chủ yếu trên các nội dung quy định của công tác chuẩn hoá sau đây:

- Đưa các hạng mục của Đề án tin học hoá QLHCNN của tỉnh đã được phê duyệt vào các quy định chuẩn hoá;

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các hạng mục, dự án trong Đề án THHQLHCNN của tỉnh mình theo quy định chuẩn hoá quốc gia;

- Chuẩn hoá việc xây dựng và lưu trữ thông tin điện tử thuộc phạm vi thẩm quyền;
- Chuẩn hoá việc đưa các nguồn tài nguyên thông tin của tỉnh lên mạng chung của Chính phủ.
- Áp dụng chuẩn thông tin quốc gia và bảo vệ thông tin.

6.1.2. Tổ chức thực hiện

Cụ thể hoá quy định của Chính phủ trong QĐ112, việc tổ chức thực hiện chuẩn hoá hệ thống cần:

1. Chuẩn hoá các nhiệm vụ thực hiện THHQLHCNN của các Trung tâm tin học trong các cơ quan hành chính nhà nước:

- Các Trung tâm tin học trực thuộc Bộ, ngành trung ương chủ trì xây dựng và triển khai công tác chuẩn hoá hệ thống theo quy định của BĐH112 Chính phủ;
- Các Trung tâm tin học trực thuộc Văn phòng HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì xây dựng và triển khai công tác chuẩn hoá hệ thống theo quy định của BĐH112 Chính phủ.

2. Thành lập Ban điều hành Đề án chuẩn hoá hệ thống giai đoạn 2004-2005 trực thuộc Ban điều hành Đề án 112.

Ban điều hành Đề án chuẩn hoá chịu trách nhiệm trước BĐH112 về tổ chức thực hiện Đề án chuẩn hoá hệ thống tin học hoá quản lý hành chính nhà nước giai đoạn 2004-2005 đã được Trưởng ban điều hành 112 phê duyệt. Ban điều hành Đề án chuẩn hoá có kinh phí quản lý để thực hiện nhiệm vụ.

6.1.3. Chính sách và biện pháp thực hiện

Cụ thể hoá các quy định của Chính phủ trong QĐ112, việc tổ chức thực hiện chuẩn hoá hệ thống cần có các chính sách và biện pháp sau:

1. Tạo nguồn thông tin và chuẩn hoá thông tin:

- BĐH 112 ban hành các quy định về chuẩn thông tin cho các hoạt động điều hành của các cấp, ngành trong bộ máy nhà nước, đồng thời hướng dẫn thống nhất đối với các bộ, ngành để họ xây dựng và công bố các chuẩn thông tin chuyên ngành;
- BĐH 112 xây dựng và công bố chính sách tạo nguồn thông tin, xây dựng các kho dữ liệu điện tử trong bộ máy nhà nước. Việc soạn thảo chính sách này được thực hiện ở hạng mục thứ 14 của Đề án về các chính sách phát triển hệ thống mạng THHQLHCNN.

2. Trao đổi thông tin và bảo mật:

BĐH112 cùng với Văn phòng Chính phủ và Bộ Tư pháp xây dựng, trình và ban hành các văn bản pháp quy cho việc khai thác, trao đổi thông tin điện tử giữa các cơ quan hành chính nhà nước, giữa nhà nước với doanh nghiệp và

nhân dân, với quốc tế; trong đó bảo đảm được quyền sở hữu và bí mật thông tin của nhà nước, các tổ chức kinh tế- xã hội và của cá nhân.

3. Chính sách đầu tư:

- Việc đầu tư để thực hiện các hạng mục trong Danh mục các nhiệm vụ chuẩn hoá được lấy từ ngân sách tập trung của BÐH112;

- BÐH 112 xây dựng, trình và ban hành chính sách thu phí đối với các dịch vụ hành chính công để đầu tư lại cho hệ thống, đồng thời hướng dẫn việc khuyến khích đầu tư tin học hoá để cung cấp, phổ biến thông tin luật pháp, kinh tế, xã hội và thông tin về hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước cho công chúng.

Các chính sách này cần được thể hiện trong Danh mục các nhiệm vụ chuẩn hoá, tại Đề án số 5 (chuẩn hoá tin học hoá các dịch vụ hành chính công), Đề án số 6 (chuẩn hoá các loại hình trang tin điện tử), Đề án số 7 (chuẩn hoá các hoạt động sử dụng Internet) và Đề án số 14 (Xây dựng các chính sách phát triển hệ thống THQLHCNN).

4. Chính sách sử dụng mạng viễn thông và truyền dữ liệu:

BÐH 112 xây dựng, trình và ban hành chính sách cước phí viễn thông ưu đãi cho các hoạt động quản lý và điều hành trong các cơ quan hành chính nhà nước và các hoạt động phổ biến thông tin pháp luật đến công chúng và doanh nghiệp.

Các chính sách này cần được thể hiện trong Danh mục các nhiệm vụ chuẩn hoá, tại Đề án số 7 (chuẩn hoá các hoạt động sử dụng Internet) và Đề án số 14 (Xây dựng các chính sách phát triển hệ thống THQLHCNN).

5. Chính sách mua sắm sản phẩm và dịch vụ CNTT:

Cụ thể hoá quy định của Chính phủ tại QĐ 112, các kế hoạch mua sắm cho tin học hoá quản lý hành chính nhà nước, ngoài việc phải thông qua đấu thầu và hợp đồng theo quy định, cần phải được thực hiện theo các quy định của các nhiệm vụ chuẩn hoá. Thực hiện điều này nhằm giảm bớt chi phí mua sắm, đồng thời bảo đảm sự tương thích về công nghệ và chất lượng trong hệ thống mạng chung.

6.1.4. Tiến độ thực hiện

1. Toàn bộ 40 hạng mục trong Danh mục các nhiệm vụ chuẩn hoá cần được khẩn trương thực hiện trong 2 năm 2004- 2005 sau khi Đề án được phê duyệt. Việc thực hiện từng hạng mục phải tiến hành theo “lựa chọn thứ tự ưu tiên triển khai” nêu ở mục 5.2.2.

2. Sau khi có kết quả của từng hạng mục, cần tiến hành công bố, hướng dẫn thực hiện ngay đến tất cả các cơ quan quản lý hành chính nhà nước. Đầu tiên, từ kết quả đã nghiên cứu được của Đề án chuẩn hoá này, đề nghị cần khẩn trương hoàn thiện và công bố ngay toàn bộ Đề án chuẩn hoá và tài liệu

“ Hướng dẫn triển khai chuẩn hoá kỹ thuật, công nghệ hệ thống THHQLHCNN” (hạng mục Dự án số 34).

3. Thành lập Ban điều hành Đề án chuẩn hoá ngay sau khi Đề án chuẩn hoá được phê duyệt.

6.2. CÁC KIẾN NGHỊ

1. BÐH112 (bao gồm cả bộ máy thường trực):

- Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan, đặc biệt là với Ban Cải cách hành chính nhà nước của Chính phủ;

- Chỉ đạo chặt chẽ việc soạn thảo, ban hành và theo dõi, điều phối các văn bản, đề án và dự án chuẩn hoá hệ thống;

- Tổ chức các yếu tố bảo đảm triển khai công tác chuẩn hoá và một bộ máy (Ban điều hành Đề án chuẩn hoá) đủ sức quản lý, điều phối công tác chuẩn hoá quốc gia.

- Ưu tiên nguồn kinh phí đủ để triển khai danh mục các nhiệm vụ chuẩn hoá Hệ thống, đồng thời tạo kinh phí quản lý để Ban Điều hành Đề án chuẩn hoá có điều kiện hoạt động hiệu quả.

2. Các Bộ, tỉnh: Cần phối hợp chặt chẽ với BÐH112, thấy rõ trách nhiệm và thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Hệ thống THHQLHCNN và Chính phủ điện tử.

3. Ban Cải cách hành chính nhà nước: Có trách nhiệm cao đối với công tác THHQLHCNN, coi đó là một bộ phận quan trọng của việc hiện đại hoá nền hành chính quốc gia. Phối hợp chặt chẽ với BÐH112 trong việc ra các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

4. Chính phủ:

- Ra các văn bản quy phạm pháp luật cần thiết về tổ chức và quy hoạch Hệ thống THHQLHCNN;

- Có ý kiến chỉ đạo việc soạn thảo Luật Thông tin;

- Tiếp tục phê duyệt Đề án Chính phủ điện tử giai đoạn 2 (2006- 2010) theo tinh thần Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước (QĐ136);

- Hỗ trợ kinh phí đủ cho triển khai các nội dung cụ thể hoá QĐ112, trong đó có công tác chuẩn hoá Hệ thống.